

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

Hợp đồng số:

Gói thầu: ...

Dự toán mua sắm: ...

Hạng mục: ...

Căn cứ pháp lý:

- Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;
- Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;
- Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;
- Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;
- Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính Phủ về quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;
- Căn cứ Nghị định số 14/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Căn cứ Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt;
- Căn cứ Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng;
- Căn cứ Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về Quy định về hoạt động vận tải đường bộ;

- Căn cứ Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành trật tự an toàn giao thông đường bộ;
- Căn cứ Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe;
- Căn cứ Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đậu xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác;
- Căn cứ Thông tư số 73/2014/TT-BGTVT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô;
- Căn cứ Thông tư số 09/2015/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về cung cấp, quản lý và sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô;
- Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái.
- Căn cứ Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về chính sách hỗ trợ người sử dụng phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, tàu điện và chính sách hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, tàu điện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định tổ chức, quản lý, khai thác, hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Quyết định số 2184/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về duyệt khung giá vé xe buýt hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Quyết định số 1532/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về ủy quyền cho Sở Giao thông vận tải thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ kinh phí chi thường xuyên giao cho Sở Giao thông vận tải;
- Căn cứ Quyết định số 6068/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của UBND thành phố về công bố Bộ định mức kinh tế kỹ thuật đối với hoạt động vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

– Căn cứ Quyết định số 3677/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2019 của UBND thành phố về Ban hành Bộ đơn giá vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

– Căn cứ Quyết định số 1566/QĐ-SGTVT ngày 16 tháng 6 năm 2011 của Sở Giao thông vận tải về việc ban hành quy định tạm thời về tổ chức quản lý, sử dụng thiết bị giám sát hành trình trên các xe buýt hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

– Căn cứ Quyết định số 2068/QĐ-SGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Sở Giao thông vận tải về ban hành Quy chế quản lý, kiểm soát kinh phí ngân sách nhà nước về trợ giá xe buýt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở GTVT;

– Căn cứ Quyết định số 1025/QĐ-SGTVT ngày 02 tháng 3 năm 2017 của Sở Giao thông vận tải về việc ban hành quy định Nội quy khai thác tuyến xe buýt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

– Căn cứ Quyết định số 1682/QĐ-SGTVT ngày 13 tháng 4 năm 2019 của Sở Giao thông vận tải về việc điều chỉnh giá vé xe buýt áp dụng trên các tuyến xe buýt có trợ giá;

– Căn cứ Quyết định số 1746/QĐ-SGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Sở Giao thông vận tải về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

– Căn cứ Thông báo số 12869/TB-SGTVT ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Sở Giao thông vận tải về việc công bố điều chỉnh mức chênh lệch đơn giá (đồng/km) khi có sự thay đổi giá nhiên liệu áp dụng từ ngày 28 tháng 6 năm 2024 trở đi;

– Căn cứ Thông báo số 3681/TB-SGTVT ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Sở Giao thông vận tải về công bố mức chênh lệch đơn giá (đồng/km) do điều chỉnh mức lương cơ sở so với Bộ đơn giá vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

– Căn cứ Công văn số 25648/SLĐTBXH-LĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Sở Lao động Thương binh và xã hội về việc tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố về việc áp dụng hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương (Hđc) để xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công của lao động trực tiếp sản xuất trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn Thành phố từ ngày 01/7/2024 trở đi (lần 2);

– Căn cứ Quyết định số 906/QĐ-SGTVT ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Sở Giao thông vận tải về công bố danh mục mạng lưới tuyến buýt nội tỉnh và liên kết;

– Căn cứ Quyết định số .../QĐ-SXD-QLVT ngày ... tháng ... năm 2025 của Sở Xây dựng về việc Phê duyệt Hồ sơ thiết kế kỹ thuật khai thác tuyến xe buýt số ..., Quyết định số .../QĐ-SXD-QLVT ngày ... tháng ... năm 2025 của Sở Xây dựng về việc Phê duyệt Hồ sơ thiết kế kỹ thuật khai thác tuyến xe buýt số ...;

- Căn cứ Quyết định số /QĐ-SXD-QLVT ngày ... tháng ... năm 2025 của Sở Xây dựng về việc phê duyệt dự toán kinh phí thuê tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và kinh phí hỗ trợ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (Các tuyến xe buýt số...);
- Căn cứ Quyết định số 776/QĐ-TT ngày 27 tháng 7 năm 2016 của Trung tâm Quản lý và Điều hành vận tải hành khách công cộng về việc ban hành “Quy định kiểm tra điều kiện xuất bến đối với phương tiện ô vận tải khách tại các vị trí đầu – cuối tuyến xe buýt”;
- Căn cứ Quyết định số 132/QĐ-TT ngày 08 tháng 2 năm 2017 của Trung tâm Quản lý và Điều hành vận tải hành khách công cộng về việc ban hành Nội quy tạm thời Phòng Giám sát và Điều hành trực tuyến tại Trung tâm;
- Căn cứ Quyết định số 456/QĐ-TT ngày 13 tháng 4 năm 2017 của Trung tâm Quản lý và Điều hành vận tải hành khách công cộng về việc ban hành Quy định về công tác quản lý, giám sát, vận hành hệ thống kiểm soát và thông tin xe buýt tại phòng Giám sát và Điều hành trực tuyến;
- Căn cứ Quyết định số 1341/QĐ-TT ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Trung tâm Quản lý và Điều hành vận tải hành khách công cộng về việc ban hành quy trình tuần tra, kiểm tra, giám sát - điều hành, lập biên bản vi phạm về vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Quyết định số 852/QĐ-TTQLGTCC ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng về ban hành Quy định về công tác xử lý vi phạm trong hoạt động xe buýt, xe đưa rước học sinh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Quyết định số 2295/QĐ-TT ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng về ban hành Quy trình thống kê và nghiệm thu khối lượng vận tải hành khách công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thẩm quyền quản lý của Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng;
- Căn cứ Quyết định số 478/QĐ-TTQLGTCC ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng về ban hành quy định quản lý, kiểm soát nguồn vốn hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thẩm quyền quản lý của Trung tâm Quản lý và Điều hành vận tải hành khách công cộng;
- Căn cứ Quyết định số .../QĐ-TTQLGTCC ngày ... tháng ... năm 2025 của Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm Kinh phí thuê tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và kinh phí hỗ trợ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (Các tuyến xe buýt số ...) thuộc hạng mục Lựa chọn đơn vị cung ứng sản phẩm dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được hỗ trợ kinh phí hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

– Căn cứ Quyết định số .../QĐ-TTQLGTCC ngày ... tháng ... năm 2025 của Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng về việc Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung ứng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được hỗ trợ kinh phí hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (Các tuyến xe buýt số ...), thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Kinh phí thuê tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và kinh phí hỗ trợ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (Các tuyến xe buýt số ...);

– Căn cứ thông báo số 156/TB-TTQLGTCC ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng về triển khai thực hiện Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ vận tải hành khách công cộng trên các tuyến xe buýt có trợ giá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

– Căn cứ văn bản số 2473/TT-QLĐH ngày 25 tháng 9 năm 2020 về hướng dẫn quy trình xác nhận chuyển - đối soát số chuyến vận doanh ghi nhận qua Lệnh vận chuyển và dữ liệu giám sát hành trình trên hệ thống kiểm soát và thông tin xe buýt làm cơ sở nghiệm thu các tuyến xe buýt có trợ giá, Văn bản số 901/TT-QLĐH ngày 11 tháng 5 năm 2021, Văn bản số 1624/TT-QLĐH ngày 20 tháng 10 năm 2021 và Văn bản 2141/TT-QLĐH ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng về hướng dẫn thực hiện hồ sơ nghiệm thu tuyến xe buýt có trợ giá;

– Căn cứ văn bản số 671/TT-QLĐH ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Trung tâm Quản lý giao thông công cộng ban hành về việc triển khai thực hiện Quy trình ghi nhận, cung cấp, thẩm định thông tin và thông qua lộ trình thay thế tạm thời ngay tại thời điểm xảy ra kẹt xe làm cơ sở công nhận chuyển trên hệ thống eBMS;

– Căn cứ Biên bản thương thảo Hợp đồng gói thầu Cung ứng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được hỗ trợ kinh phí hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (Các tuyến xe buýt số ...) được ký kết vào ngày ... tháng ... năm 2025 giữa Trung tâm Quản lý giao thông công cộng và ...

– Các căn cứ khác (nếu có).

Chúng tôi đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A): **Trung Tâm Quản lý Giao thông công cộng**

- Đại diện : Ông/Bà ...

- Chức vụ : ...

- Địa chỉ : ...

- Điện thoại : ...

- Tài khoản : ...

- Mã số thuế : ...

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B):

- Đại diện : Ông/Bà ...
- Chức vụ : ...
- Địa chỉ : ...
- Điện thoại : ...
- Tài khoản : ...
- Mã số thuế : ...

Hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là cung cấp các dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các Phụ lục hợp đồng;
2. E-ĐKTC của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
4. E-ĐKC chung của hợp đồng;
5. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
6. Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng;
7. E-HSĐT và các văn bản làm rõ E-HSĐT của nhà thầu (nếu có);
8. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);
9. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.
10. Quy định về chất lượng cung ứng dịch vụ và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị vận tải cung ứng dịch vụ xe buýt tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Quyền hạn và nghĩa vụ của Bên A

1. Tạo điều kiện thuận lợi về luồng tuyến, bến bãi, các điểm dừng xe buýt - nhà chờ đón trả khách, thanh quyết toán tiền hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo đúng quy định để Bên B hoạt động có hiệu quả;

2. Kiểm tra điều kiện hoạt động của Bên B khi tham gia hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, kiểm tra tiêu chuẩn xe buýt thường xuyên, định kỳ hoặc đột xuất;

3. Quản lý, điều phối, hướng dẫn và kiểm tra giám sát hoạt động khai thác, chất lượng phục vụ trên tuyến xe buýt do Bên B đảm nhận; Quyết định, điều

chỉnh biểu đồ chạy xe của tuyến; Đề xuất đóng, mở mới hoặc điều chỉnh tuyến. Đề xuất, thay đổi chủng loại xe hoạt động trên tuyến;

4. Căn cứ tình hình thực tế, yêu cầu Bên B tăng/giảm chuyến hoặc có quyền điều động xe đột xuất để giải tỏa thiếu xe đột biến trên toàn mạng lưới tuyến xe buýt, hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác khi cần thiết; Tạm ngưng hoạt động của phương tiện không đảm bảo điều kiện và yêu cầu bên B đình chỉ công tác lái xe và nhân viên phục vụ khi không đảm bảo các tiêu chuẩn quy định của pháp luật, vi phạm về an toàn giao thông có thể gây tai nạn hoặc các quy định đã thỏa thuận trong Hợp đồng này;

5. Kiểm tra, lập biên bản các hành vi vi phạm Hợp đồng của Bên B. Được sử dụng các phương tiện tác nghiệp khác (quay phim, chụp ảnh, các dữ liệu trên thiết bị giám sát hành trình) để lập biên bản các hành vi vi phạm Hợp đồng một cách công khai, minh bạch; Xử lý các hành vi vi phạm Hợp đồng của Bên B được quy định trong Hợp đồng này; Đối với các lỗi vi phạm liên quan đến an toàn giao thông, chất lượng dịch vụ Bên A có quyền yêu cầu Bên B tiến hành xử lý ngay trước khi tiếp tục bố trí cá nhân, phương tiện vi phạm hoạt động;

6. Tổ chức khảo sát, đo đếm, thống kê kết quả và dự báo nhu cầu đi lại của hành khách trên toàn mạng lưới tuyến xe buýt. Tổ chức tư vấn nghiên cứu và đề xuất điều chỉnh luồng tuyến khi có yêu cầu; Tổ chức các kênh thông tin để tuyên truyền vận động nhân dân tham gia đi lại bằng xe buýt; Tổ chức hướng dẫn, giải đáp thắc mắc và trả lời các ý kiến của hành khách đi xe buýt, người dân và các cơ quan ngôn luận thuộc thẩm quyền giải quyết của Bên A; Yêu cầu Bên B trả lời các kiến nghị, phản ánh, góp ý cho hành khách, người dân, báo, đài và cơ quan thông tin đại chúng liên quan đến tuyến xe buýt do Bên B đảm nhận;

7. Kiểm tra Lệnh vận chuyển của Bên B;

8. Yêu cầu Bên B báo cáo tình hình hoạt động trên tuyến xe buýt theo định kỳ và đột xuất;

9. Xây dựng, trình Sở Xây dựng ban hành Nội quy khai thác tuyến xe buýt. Yêu cầu Bên B xây dựng kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho lái xe, nhân viên phục vụ trên xe buýt, nhân viên điều hành đầu cuối tuyến (sau đây gọi tắt là lái xe, nhân viên phục vụ) của Bên B theo quy định;

10. Thực hiện chức năng cơ quan quản lý Nhà nước, chủ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng, sửa chữa cải tạo và quản lý cơ sở kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, tổ chức duy tu bảo dưỡng hệ thống cơ sở hạ tầng theo quy định. Bảo đảm điểm dừng (biển báo, vạch sơn), nhà chờ, thông tin tuyến đầy đủ, hợp lý. Công bố kịp thời cho Bên B biết khi có sự điều chỉnh;

11. Giải quyết đầy đủ chế độ ưu đãi dành cho hoạt động vận tải hành khách công cộng theo đúng quy định hiện hành;

12. Thông báo danh sách lái xe, nhân viên phục vụ vi phạm từ lần thứ 03 trở đi cho Bên B;

13. Định kỳ hàng năm và đột xuất, tiến hành kiểm tra điều kiện hoạt động của đơn vị vận tải khi tham gia vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và giám sát công tác cấp phát tiền hỗ trợ kinh phí hoạt động xe buýt tại các đơn vị vận tải theo quy định; kiểm tra tiêu chuẩn các xe buýt;

14. Thông báo danh sách lái xe, nhân viên phục vụ xe buýt không được bố trí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh do vi phạm Nội quy khai thác tuyến xe buýt đến các đơn vị vận tải hoạt động xe buýt để không tiếp nhận làm việc;

15. Khai thác dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình và camera được trang bị trên phương tiện của các đơn vị vận tải phục vụ công tác quản lý, kiểm tra, xử lý vi phạm, phục vụ việc hậu kiểm và tổng hợp báo cáo theo quy định;

16. Phối hợp với đơn vị liên quan (nếu có) để tổ chức thực hiện đảm bảo vệ sinh môi trường tại các điểm đầu, điểm cuối tuyến, điểm dừng, nhà chờ, điểm trung chuyển, bãi đỗ xe phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

17. Chịu trách nhiệm bồi hoàn số tiền tương ứng với mức hỗ trợ kinh phí hoạt động của tuyến xe buýt đối với các chuyến không nghiệm thu do Bên A làm mất lệnh vận chuyển;

18. Trình Sở Xây dựng đình chỉ khai thác tuyến xe buýt của đơn vị vận tải có hành vi vi phạm nghiêm trọng quy định hiện hành về hoạt động vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt;

19. Bên A có trách nhiệm thanh toán đúng, đủ tiền hỗ trợ kinh phí hoạt động của tuyến xe buýt cho bên B theo quy định;

20. Tổ chức kiểm tra theo Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ vận tải hành khách công cộng trên các tuyến xe buýt có trợ giá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đối với từng tuyến do Bên B đảm nhận khai thác.

Điều 4. Quyền hạn và nghĩa vụ của Bên B

1. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật;

2. Tổ chức, thực hiện đầy đủ các quy định về vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định của pháp luật, Nội quy khai thác tuyến xe buýt và Hợp đồng cung ứng dịch vụ vận tải khách công cộng bằng xe buýt;

3. Chấp hành chủ trương, kế hoạch đấu thầu tuyến xe buýt của Ủy ban nhân dân và Sở Xây dựng; Chấp hành các quy định về đấu thầu cũng như các quy định về vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

4. Bên B phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về phương tiện theo quy định tại hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bên B không đáp ứng yêu cầu, phải thay thế phương tiện khác đảm bảo phương tiện đáp ứng quy định tại hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu.

5. Chấp hành thực hiện quảng cáo trên xe buýt theo quy định khi có chủ trương, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

6. Bên B phải thực hiện thay đổi màu sơn phương tiện khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền trong quá trình khai thác.

7. Chấp hành thực hiện nghiêm các chỉ tiêu, thông số được quy định trong các Quyết định mở tuyến và điều chỉnh tuyến của Sở Xây dựng, của Bên A; Quyết định công bố biểu đồ chạy xe, các Quyết định điều chỉnh biểu đồ chạy xe của Bên A; Cam kết đảm bảo thông số hoạt động theo yêu cầu trên cơ sở hồ sơ thiết kế kỹ thuật khai thác tuyến được duyệt trong thời gian thực hiện hợp đồng thầu;

8. Chấp hành nghiêm các yêu cầu của Bên A trong việc tăng/giảm chuyến, điều xe, điều chuyển hoạt động sang tuyến khác phù hợp với quy hoạch hoặc phục vụ nhu cầu chung của mạng lưới tuyến xe buýt và trong những trường hợp đột xuất;

9. Áp dụng các biện pháp để tổ chức, thực hiện đúng biểu đồ chạy xe theo phương án khai thác đã ký kết trong Hợp đồng;

10. Chấp hành nghiêm sự kiểm tra, giám sát của lực lượng kiểm tra Bên A và lực lượng khác theo yêu cầu của Bên A ;

11. Cử nhân viên của Bên B phối hợp cùng Trung tâm giám sát, điều hành hoạt động xe buýt thông qua hệ thống giám sát hành trình, hệ thống camera;

12. Phối hợp với Bên A phát hiện và báo cáo kịp thời cho Bên A những hư hỏng, mất mát về cơ sở kết cấu hạ tầng, tình hình an ninh, an toàn trật tự trên tuyến;

13. Người đại diện theo pháp luật của Bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo đảm an toàn kỹ thuật của phương tiện khi đưa vào hoạt động trên tuyến;

14. Thường xuyên kiểm tra, tu bổ, sửa chữa thay đổi những hư hỏng của xe buýt đảm bảo mỹ quan đô thị;

15. Xe hoạt động trên tuyến phải có Lệnh vận chuyển. Hàng ngày nộp báo cáo cho Bên A thông qua Lệnh vận chuyển. Trên Lệnh vận chuyển phải ghi rõ số seri các tập vé được đơn vị vận tải phát hành để sử dụng trong ngày hoạt động. Nội dung ghi chép bên trong phải rõ ràng, chính xác, đầy đủ, không tẩy xóa và chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung ghi trong Lệnh vận chuyển. Báo cáo đúng quy định theo định kỳ, đột xuất và theo yêu cầu của Bên A; Chịu trách nhiệm về các trường hợp bị mất Lệnh vận chuyển do nhân viên Bên B làm mất. Ngoài ra, Bên B phải thực hiện Lệnh vận chuyển điện tử trên các tuyến xe buýt theo yêu cầu của Bên A;

16. Đảm bảo tiêu chuẩn về nhân sự: người điều hành vận tải, nhân viên quản lý, nhân viên điều hành, nhân viên thống kê, kế toán, bộ phận quản lý an toàn... và thực hiện các chế độ báo cáo thống kê theo đúng quy định;

17. Chịu trách nhiệm trước Bên A đối với tất cả những hành vi vi phạm của lái xe, nhân viên phục vụ của Bên B được quy định trong Hợp đồng này, Nội quy khai thác tuyến xe buýt và các quy định về hoạt động vận tải; Đối với các lỗi vi phạm liên

quan đến an toàn giao thông, chất lượng dịch vụ, tiến hành xử lý ngay trước khi tiếp tục bố trí cá nhân, phương tiện vi phạm hoạt động;

18. Khi tuyển dụng mới lái xe buýt, nhân viên phục vụ trên xe buýt phải căn cứ các tiêu chuẩn, quy định hiện hành. Sau khi tuyển dụng phải ký Hợp đồng lao động theo đúng quy định của Bộ Luật lao động năm 2019 và các quy định khác có liên quan. Các trường hợp thay đổi nhân sự hoạt động trên tuyến phải thông báo bằng văn bản cho Bên A. Không tiếp nhận vào làm việc đối với những lái xe, nhân viên phục vụ nằm trong danh sách do Bên A thông báo đã bị chấm dứt quan hệ lao động, bị sa thải từ các đơn vị vận tải khác vì vi phạm quy định trong hoạt động xe buýt. Không được bố trí lái xe, nhân viên phục vụ chưa qua đào tạo và không đảm bảo sức khỏe theo quy định. Trường hợp do khách quan như chưa có lớp đào tạo, Bên B phải báo cáo danh sách nhân viên phục vụ cho Bên A biết để không xử lý các trường hợp này; Lập và cập nhật đầy đủ các thông tin về quá trình làm việc của lái xe vào Lý lịch hành nghề lái xe hoặc phần mềm quản lý lái xe của Bên B theo mẫu quy định. Đối với những trường hợp đã được nhận vào làm chính thức hoặc chấm dứt Hợp đồng lao động do Người lao động cố tình vi phạm buộc phải thôi việc thì Bên B phải thông báo cho Bên A biết để theo dõi, còn những trường hợp chấm dứt Hợp đồng lao động do điều kiện khách quan mà Bên B và Người lao động cùng thỏa thuận thống nhất thì không cần phải thông báo;

19. Đình chỉ phương tiện, lái xe, nhân viên phục vụ vi phạm Nội quy khai thác tuyến xe buýt theo thông báo của Bên A và bố trí các cá nhân này học lại lớp nghiệp vụ. Nhân viên vi phạm chỉ được trở lại công tác sau khi có thông báo của Bên A;

- Cung cấp quyết định không bố trí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đối với lái xe, nhân viên phục vụ vi phạm Nội quy khai thác tuyến xe buýt theo thông báo của Bên A;

- Đình chỉ có thời hạn các lái xe, nhân viên phục vụ xe buýt vi phạm cùng một hành vi từ lần thứ 03 trở đi theo thông báo của Bên A;

- Bên B có trách nhiệm đình chỉ khẩn cấp (đình chỉ không cần văn bản) đối với lái xe, nhân viên phục vụ có hành vi vi phạm nghiêm trọng, gây bức xúc dư luận khi có yêu cầu của Bên A và phải được xác lập bằng biên bản để ghi nhận sự việc;

- Thời gian giải quyết đình chỉ sẽ được căn cứ theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm;

20. Phải đăng ký mẫu thẻ tên và đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ với Sở Xây dựng (hoặc Bên A) có tuyến xe buýt nơi Bên B đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh. Cấp đồng phục và thẻ tên cho lái xe, nhân viên phục vụ; thẻ tên phải được dán ảnh, ghi rõ họ tên đơn vị quản lý;

21. Tuyên truyền, phổ biến và thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở các lái xe, nhân viên phục vụ: Thực hiện nghiêm chỉnh nội dung các quy định của pháp luật và các quy định về tiêu chuẩn lái xe buýt và nhân viên phục vụ đã ban hành;

22. Phải thực hiện chế độ khám sức khỏe định kỳ đối với lái xe, nhân viên phục vụ theo quy định;

23. Đối với thông tin phản ánh:

- Bên B chịu trách nhiệm bảo mật thông tin cho hành khách khi phản ánh các hành vi vi phạm của lái xe và nhân viên phục vụ; Được quyền từ chối trả lời những phản ánh, Biên bản không có thông tin rõ ràng;

- Những nội dung thông tin phản ánh được Bên B tiếp nhận bằng các hình thức như: Nhận trực tiếp tại văn phòng, nhận gián tiếp qua bưu tín hoặc do các cơ quan, Ban ngành, truyền thông, cơ quan Báo, đài chuyển đến trực tiếp hoặc đưa tin trên truyền thông, Báo, đài thì bộ phận tiếp nhận có nhiệm vụ cập nhật để chuyển bộ phận xử lý giải quyết. Đồng thời, gửi báo cáo tổng hợp ghi nhận nội dung phản ánh để Bên A theo dõi. Thời gian tối đa 03 ngày làm việc.

- Những nội dung thông tin phản ánh do Bên A chuyển đến, Bên B có trách nhiệm cập nhật, xác minh, xử lý và báo cáo kết quả xử lý về Bên A trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc. Trừ trường hợp bất khả kháng hoặc các tình huống đặc biệt khác cần thời gian xử lý kéo dài hơn theo tính chất vụ việc. Thời gian được xác định kể từ ngày Bên B nhận được văn bản do Bên A phát hành trên Hệ thống chính quyền điện tử;

24. Phản ánh kịp thời, chính xác các hành vi vi phạm trong khi thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, nhân viên Bên A để Bên A xử lý;

25. Bên B phải bố trí đủ nhân viên phục vụ và phải thực hiện lắp đặt hệ thống vé điện tử theo yêu cầu;

26. Đề xuất với Bên A điều chỉnh các chỉ tiêu, thông số trong Quyết định mở tuyến và điều chỉnh tuyến của Sở Xây dựng, của Bên A. Đề xuất điều chỉnh biểu đồ chạy xe, đề nghị thay thế các phương tiện, cơ sở kết cấu hạ tầng trên tuyến để đảm bảo hiệu quả hoạt động tuyến và các quy định có liên quan;

27. Được phép thay đổi lộ trình khi xảy ra tình huống kẹt xe hoặc các trường hợp ngoại lệ khác được bên A chấp thuận và các nội dung thay đổi lộ trình được ghi nhận, xác nhận trên hệ thống phần mềm của Bên A;

28. Trường hợp khi có biến động phương tiện trên tuyến (tăng/giảm phương tiện, đổi biển số, chuyển tuyến, tăng cường) so với danh sách phương tiện hoạt động xe buýt do Bên A thông báo, Bên B phải có báo cáo bằng văn bản trong thời gian 05 ngày làm việc và được Bên A chấp thuận bằng văn bản. Phương tiện điều chỉnh phải đảm bảo chất lượng bằng hoặc cao hơn so với hồ sơ dự thầu;

29. Khi hành khách sử dụng vé không hợp lệ, thẻ miễn phí chưa đúng quy định thì yêu cầu hành khách mua vé lượt. Đồng thời, yêu cầu hành khách chấp hành nội quy khi đi xe buýt;

30. Bên B có quyền chủ động từ chối không vận chuyển hành khách trong các trường hợp sau:

- Hành khách không chấp hành mua vé theo quy định, không xuất trình vé khi có yêu cầu kiểm tra hoặc sử dụng vé bán trước (vé tập năm) hoặc thẻ miễn phí vé không đúng quy định, hết hạn sử dụng, trừ những trường hợp đã được Bên A hướng dẫn gia hạn;

- Hành khách không chấp hành hướng dẫn của lái xe, nhân viên phục vụ để thực hiện đúng nội quy xe buýt được niêm yết trên xe, say rượu, gây rối làm mất an ninh trật tự trên xe;

- Những loại hàng hóa bị cấm theo quy định của pháp luật, hàng hóa gây ô nhiễm, các loại súc vật, các chất gây cháy nổ...;

- Xe đã đầy khách (trên xe có đủ hành khách theo sức chứa quy định của xe). Trong trường hợp này, xe phải dừng lại tại điểm dừng, nhà chờ, đồng thời lái xe hoặc nhân viên phục vụ thông báo cho hành khách biết và có biển báo “XE ĐẦY KHÁCH” đặt ở bên dưới mặt trước kính xe;

- Hành khách không tuân thủ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền ban hành;

31. Đối với hành lý xách tay hành khách mang theo được quy định như sau: Hành khách được mang hành lý xách tay có kích thước hoặc khối lượng theo quy định (hành lý với trọng lượng không quá 10 ki-lô-gam và kích thước không quá 30 x 40 x 60 cm). Trường hợp hành lý trên 10 ki-lô-gam và kích thước trên 30 x 40 x 60 cm thì mỗi phần diện tích chiếm chỗ bằng chỗ đứng thì thu thêm tiền bằng một vé;

32. Thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền ban hành;

33. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bên A về tính trung thực, chính xác, hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ, chứng từ, thanh, quyết toán tiền hỗ trợ xe buýt;

34. Chấp hành quy định về lắp đặt, truyền dữ liệu hình ảnh camera về máy chủ của Bên A, truyền hình ảnh, âm thanh và lưu trữ dữ liệu hình ảnh camera để truy xuất qua API (công ứng dụng giao tiếp) theo quy định trong thời gian tối thiểu 15 ngày, nghiêm cấm mọi hành vi điều chỉnh góc nhìn camera hoặc để các vật cản làm ảnh hưởng đến tầm nhìn của camera;

- Bên B chấp hành việc trích xuất, lưu trữ dữ liệu giám sát hành trình của thiết bị giám sát hành trình theo đúng quy định nhằm đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, kịp thời, liên tục và dữ liệu của camera phải liên tục, đầy đủ như: hình ảnh rõ nét; chất lượng âm thanh tại thời điểm vi phạm và trong suốt quá trình xử lý vi phạm đến khi Bên A xác nhận hoàn thành việc xử lý vi phạm. Trường hợp Bên B không cung cấp hoặc cung cấp dữ liệu không hoàn chỉnh thì Bên A xem như Bên B chấp nhận hành vi vi phạm.

35. Trên cơ sở khối lượng hành khách và số chuyến theo hợp đồng, Bên B thực hiện và chủ động đề xuất cho Bên A nhằm đảm bảo khối lượng được giao.

36. Nghiêm cấm thực hiện giao dịch bằng tiền, tài sản có giá trị cao, lợi ích vật chất giữa nhân viên điều hành đối với lái xe, nhân viên phục vụ tại các điểm

đầu, cuối tuyến; giữa lái xe, nhân viên phục vụ với nhân viên kiểm tra. Trường hợp các giao dịch này không thuộc hành vi hối lộ, tiêu cực thì các bên có liên quan có nghĩa vụ chứng minh;

37. Trong trường hợp không thể đảm nhận hoạt động trên tuyến, Bên B phải có văn bản xin ngừng khai thác tuyến gửi cho Bên A. Trong thời gian chờ Bên A xem xét giải quyết (theo quy định), Bên B có trách nhiệm đảm bảo tình hình hoạt động trên tuyến;

38. Lưu trữ, bảo quản chứng từ kế toán: thanh quyết toán, thu chi kinh phí hỗ trợ hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt đúng theo quy định;

39. Bên B có trách nhiệm quản lý chặt chẽ từ khâu đặt in các loại vé lượt, đăng ký sử dụng các loại vé lượt với cơ quan thuế; quản lý phân phối, theo dõi tình hình sử dụng các loại vé lượt khi cấp cho thành viên liên kết của Bên B, quản lý tồn vé và theo dõi doanh thu thực tế từng tuyến;

40. Chấp hành việc kiểm tra và phối hợp để đánh giá chất lượng dịch vụ làm cơ sở nghiệm thu chất lượng dịch vụ trên tuyến theo nội dung tại Phụ lục về Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ vận tải hành khách công cộng trên các tuyến xe buýt có trợ giá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo nội dung tại Thông báo số 156/TB-TTQLGTCC ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Trung tâm (*trừ việc không đánh giá tiêu chí tỷ lệ về khen thưởng gương người tốt, việc tốt và phương thức thực hiện quy định Bộ tiêu chí*) và các văn bản thay thế hoặc điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền đối với từng tuyến do Bên B đảm nhận khai thác;

41. Bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc quyết toán tình hình quản lý, sử dụng các loại vé lượt với cơ quan thuế.

Điều 5. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh.

Điều 6. Thời gian thực hiện

1. Thời gian thực hiện công việc: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027 (*Thời gian thực hiện hợp đồng thay đổi khi có Quyết định của cơ quan có thẩm quyền*).

2. Thời gian thực hiện hợp đồng: Thời gian thực hiện hợp đồng kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng.

Điều 7. Hiệu lực hợp đồng

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày Bên A nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng của Bên B đến ngày các Bên hoàn thành nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng và tự động thanh lý hợp đồng.

Điều 8. Tổng giá trị hợp đồng

1. Giá hợp đồng: ... đồng. (Bằng chữ: ...). Trong đó:

- Giá trị hỗ trợ là: ... đồng. (Bằng chữ: ...);

- Chi phí dự phòng là: ... đồng (Bằng chữ: ...).

Giá trị Hợp đồng chính thức là giá trị được cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán.

Đơn vị tiền tệ giá trị Hợp đồng: VNĐ.

Chi tiết tại Bảng giá hợp đồng đính kèm.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng:

Trong vòng 10 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, Bên B phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, cụ thể như sau:

- Số tiền bảo đảm: 2% giá trị hợp đồng. Tương đương số tiền: ... đồng (Bằng chữ: ...).

- Hình thức bảo đảm: Bằng chứng thư bảo đảm do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành theo mẫu quy định.

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi các Bên hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng, hai Bên ký biên bản nghiệm thu và công tác quyết toán hoàn thành.

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng dùng để đảm bảo trách nhiệm của Bên B trong việc thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

- Bên B không được hoàn trả Bảo đảm thực hiện hợp đồng khi vi phạm các điều khoản thực hiện của hợp đồng và theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

- Bên A sẽ hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B khi quyết toán hợp đồng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 9. Điều chỉnh hợp đồng

1. Nguyên tắc điều chỉnh giá hợp đồng:

1.1. Việc điều chỉnh giá hợp đồng chỉ áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng, bao gồm cả thời gian được gia hạn theo thỏa thuận của hợp đồng;

1.2. Giá hợp đồng sau điều chỉnh không làm vượt giá trị dự thầu thì Bên A sẽ thương thảo với Bên B và điều chỉnh; trường hợp vượt giá dự thầu thì Bên A sẽ báo cáo Sở xây dựng chấp thuận, phê duyệt trước khi điều chỉnh giá hợp đồng.

1.3. Khối lượng công việc bổ sung, phát sinh phải được các Bên thống nhất trước khi thực hiện; Khi ký kết Phụ lục bổ sung hợp đồng, các Bên cần xác định rõ khối lượng công việc bổ sung, phát sinh và đơn giá áp dụng.

2. Các trường hợp được điều chỉnh giá hợp đồng:

2.1. Khối lượng thực hiện có sự thay đổi hợp lý so với hợp đồng đã được Bên A xác nhận, nghiệm thu (bao gồm số chuyển, cự ly tuyến) được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh.

2.2. Khi được sự chấp thuận việc áp dụng hệ thống thu vé tự động và cắt giảm chi phí nhân viên phục vụ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2.3. Khi có sự thay đổi phương tiện, giá nhiên liệu, giá vé xe buýt và các trường hợp khác được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh.

2.4. Đối với trường hợp bất khả kháng và các yếu tố bất khả kháng khác: Đơn giá cho các công việc phải khắc phục hậu quả bất khả kháng xác định căn cứ vào điều kiện thực tế, các văn bản pháp lý của các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Phương pháp điều chỉnh giá Hợp đồng:

3.1. Điều chỉnh do thay đổi khối lượng: Đối với điều chỉnh khối lượng thực hiện khi có sự thay đổi hợp lý so với hợp đồng đã được Bên A xác nhận, nghiệm thu:

a. Đối với việc điều chỉnh số chuyến: mức hỗ trợ của 01 chuyến trước và sau điều chỉnh không thay đổi.

b. Đối với điều chỉnh cự ly khai thác theo yêu cầu của Bên A hoặc cấp thẩm quyền:

- Mức chênh lệch chi phí/chuyến = Chi phí/chuyến tính theo cự ly sau điều chỉnh - Chi phí/chuyến tính theo cự ly trước điều chỉnh; trong đó: chi phí/chuyến = đơn giá chuẩn 1 km x cự ly tuyến.

- Phần chênh lệch hỗ trợ: Mức chênh lệch chi phí/chuyến - (Mức chênh lệch chi phí/chuyến x tỷ lệ doanh thu/chi phí ký hợp đồng).

- Mức hỗ trợ 1 chuyến điều chỉnh = mức hỗ trợ 1 chuyến trước điều chỉnh + phần chênh lệch hỗ trợ.

3.2. Điều chỉnh đơn giá (Khi có sự thay đổi phương tiện, giá nhiên liệu, giá vé xe buýt được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh):

a. Điều chỉnh thay đổi phương tiện theo yêu cầu của Bên A hoặc của cơ quan có thẩm quyền:

a.1. Đối với trường hợp thay đổi phương tiện có đơn giá chi phí cao hơn đơn giá chi phí của phương tiện hợp đồng thì giá trị thanh toán theo giá trị Hợp đồng, phần bổ sung (nếu có) sẽ điều chỉnh sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt bổ sung với mức chênh lệch tính như sau:

- Mức chênh lệch chi phí/chuyến = Chi phí/chuyến tính theo nhóm xe mới - Chi phí/chuyến tính theo nhóm xe cũ; trong đó: chi phí/chuyến = chi phí/chuyến = cự ly tuyến x (đơn giá chuẩn 01 km tương ứng loại xe hoạt động của tuyến + mức chênh lệch đơn giá 01 km do điều chỉnh giá bán nhiên liệu + mức chênh lệch đơn giá 01 km do điều chỉnh mức lương cơ sở).

- Phần chênh lệch hỗ trợ: Mức chênh lệch chi phí/chuyến - phần doanh thu/chuyến dự kiến tăng (nếu có).

- Mức hỗ trợ 1 chuyến điều chỉnh = mức hỗ trợ 1 chuyến trước điều chỉnh + phần chênh lệch hỗ trợ.

a.2. Đối với trường hợp thay đổi phương tiện có đơn giá chi phí thấp hơn đơn giá chi phí của phương tiện hợp đồng thì, thì chênh lệch hỗ trợ được tính như sau:

- Mức chênh lệch chi phí/chuyến = Chi phí/chuyến tính theo nhóm xe mới – Chi phí/chuyến tính theo nhóm xe cũ; trong đó: chi phí/chuyến = cự ly tuyến x (đơn giá chuẩn 01 km tương ứng loại xe hoạt động của tuyến + mức chênh lệch đơn giá 01 km do điều chỉnh giá bán nhiên liệu + mức chênh lệch đơn giá 01 km do điều chỉnh mức lương cơ sở).

- Phần chênh lệch hỗ trợ: Mức chênh lệch chi phí/chuyến + phần doanh thu/chuyến dự kiến giảm (nếu có).

- Mức hỗ trợ 1 chuyến điều chỉnh = mức hỗ trợ 1 chuyến trước điều chỉnh + phần chênh lệch hỗ trợ; trường hợp mức hỗ trợ sau tính toán nhỏ hơn 0 đồng thì mức hỗ trợ được tính bằng 0 đồng;

b. Điều chỉnh thay đổi phương tiện do nguyên nhân chủ quan của Bên B được Bên A ghi nhận.:

b.1. Đối với trường hợp các chuyến xe mà Bên B sử dụng phương tiện có đơn giá chi phí cao hơn đơn giá chi phí của phương tiện quy định trên tuyến:

- Mức hỗ trợ 01 chuyến được tính theo hỗ trợ của phương tiện quy định trên tuyến tại thời điểm thay đổi loại xe.

- Phần chênh lệch chi phí do thay đổi giá bán nhiên liệu, mức lương cơ sở (nếu có) được tính theo mức chênh lệch đơn giá (đồng/km) của loại phương tiện quy định trên tuyến.

b.2. Đối với trường hợp các chuyến xe mà Bên B sử dụng phương tiện có đơn giá chi phí thấp hơn đơn giá chi phí của phương tiện quy định trên tuyến (được Bên A chấp thuận nghiệm thu), thì giá trị hỗ trợ được tính như sau:

- Mức hỗ trợ 1 chuyến điều chỉnh = Chi phí/chuyến theo loại xe thay đổi – doanh thu/chuyến đã ký hợp đồng; trường hợp mức hỗ trợ sau tính toán nhỏ hơn 0 đồng thì mức hỗ trợ được tính bằng 0 đồng;

- Phần chênh lệch chi phí do thay đổi giá bán nhiên liệu, mức lương cơ sở (nếu có) được tính theo mức chênh lệch đơn giá (đồng/km) của loại phương tiện có mức chênh lệch đơn giá (đồng/km) thấp hơn.

c. Điều chỉnh do thay đổi giá nhiên liệu:

- Mức chênh lệch chi phí/chuyến do thay đổi giá bán nhiên liệu = [cự ly tuyến x mức chênh lệch đơn giá 01 km do điều chỉnh giá bán nhiên liệu lập dự toán] - [cự ly tuyến x mức chênh lệch đơn giá 01 km do điều chỉnh giá bán nhiên liệu từng thời điểm trong năm].

Giá trị điều chỉnh không vượt chi phí dự phòng của gói thầu.

d. Điều chỉnh do thay đổi giá vé, chính sách giá vé Bên A sẽ lập lại dự toán trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, sau đó sẽ tiến hành thương thảo để điều chỉnh lại giá trị.

e. Điều chỉnh do thay đổi định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá chi phí vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt hoặc các văn bản khác của cơ quan có thẩm quyền quy định về việc thay đổi định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá chi phí.

Trường hợp, đơn giá chi phí được duyệt thấp hơn đơn giá chi phí mời thầu, hai bên ký Phụ lục điều chỉnh hợp đồng tương ứng. Ngược lại, đơn giá chi phí được duyệt cao hơn đơn giá chi phí mời thầu, Bên A sẽ lập lại dự toán trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, sau đó sẽ tiến hành thương thảo điều chỉnh lại giá trị.

f. Điều chỉnh doanh thu hợp đồng:

- Doanh thu/chuyến hợp đồng được điều chỉnh trong trường hợp có sự điều chỉnh về giá vé xe buýt được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; thay đổi về điểm đầu cuối, lộ trình tuyến, dịch vụ trên tuyến được các cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc do yếu tố khách quan (không phải lỗi của nhà thầu) được đánh giá làm tăng hoặc giảm việc thực hiện sản lượng và doanh thu trên tuyến hoặc do các nguyên nhân khách quan tác động đến việc thực hiện sản lượng và doanh thu trên tuyến.

- Trong trường hợp phải điều chỉnh về doanh thu, Bên B có trách nhiệm phối hợp với Bên A tổng hợp, đánh giá cụ thể các nguyên nhân, đề xuất để báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

- Trường hợp tăng/giảm khối lượng thực hiện (số chuyến, cự ly) ảnh hưởng đến doanh thu bình quân/hành khách thì hai bên thống nhất điều chỉnh sản lượng so với hợp đồng theo tỷ lệ bình quân hành khách/chuyến hoặc bình quân hành khách/km làm cơ sở điều chỉnh tương ứng. Riêng trường hợp giảm doanh thu chỉ điều chỉnh sản lượng khi có yếu tố bất khả kháng được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền, các trường hợp giảm doanh thu khác hai bên thống nhất giữ nguyên theo doanh thu bình quân/hành khách đã ký hợp đồng.

- Trường hợp điều chỉnh tăng doanh thu làm giảm kinh phí hỗ trợ, thì mức chênh lệch kinh phí hỗ trợ/chuyến = Doanh thu/chuyến hợp đồng – Doanh thu/chuyến điều chỉnh.

- Trong trường hợp cần thiết phải phân khai chi tiết sản lượng chi tiết từng loại vé Bên B dự thầu thì căn cứ vào sản lượng hành khách bình quân/chuyến Bên B dự thầu và tỷ lệ bình quân theo cơ cấu từng loại vé tại Hồ sơ thiết kế kỹ thuật khai thác tuyến được Sở Xây dựng phê duyệt làm cơ sở và Bên B phải tuân thủ nguyên tắc này.

- Trường hợp, điều chỉnh doanh thu không làm phát sinh tăng kinh phí hỗ trợ (phù hợp), điều chỉnh theo nguyên tắc trên đảm bảo không vượt giá trị hỗ trợ hợp đồng ban đầu.

- Trường hợp, điều chỉnh doanh thu làm tăng giá trị hỗ trợ (Phù hợp hoặc có yếu tố bất khả kháng), áp dụng theo nguyên tắc điều chỉnh trên sau khi có ý kiến chấp thuận điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền.

3.3. Điều chỉnh đối với trường hợp bất khả kháng và các yếu tố bất khả kháng khác: Thực hiện sau khi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán bổ sung (nếu có).

4. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng:

Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau:

a. Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng.

b. Thay đổi phạm vi cung cấp, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng.

c. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì các bên tham gia hợp đồng thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ, thời gian thực hiện hợp đồng làm kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng việc thì phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định.

d. Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của Bên B gây ra.

Điều 10. Phương thức nghiệm thu

1. Nguyên tắc nghiệm thu:

- Nghiệm thu đối với các chuyến xe đã thực hiện theo kế hoạch được công bố có ghi nhận trên Lệnh vận chuyển và thực hiện đối soát thông qua dữ liệu GPS trên phần mềm hệ thống kiểm soát và thông tin xe buýt. Bên B phải thực hiện các trình tự, thủ tục theo quy định về công tác nghiệm thu.

- Đối với phương tiện điều động tăng cường dài hạn: phải có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A là phương tiện có chất lượng tốt hơn hoặc tương đương nhóm xe với phương tiện quy định trên tuyến, đồng thời phải có chi phí tính toán cao hơn. Số chuyến hoạt động của phương tiện tăng cường được nghiệm thu theo loại xe được quy định hoạt động trên tuyến. Các trường hợp khác do Bên A quyết định phù hợp với điều kiện thực tế.

- Đối với lái xe, nhân viên phục vụ phải được đăng ký trước khi hoạt động trên tuyến đồng thời không thuộc các trường hợp bị đình chỉ hoạt động của Bên A hoặc cơ quan có thẩm quyền và các quy định khác có liên quan.

- Các tình huống phát sinh ngoài nội dung đã được quy định, Bên A sẽ có hướng dẫn cụ thể bằng văn bản.

2. Trình tự thủ tục:

2.1. Hồ sơ nghiệm thu bao gồm:

- Bìa hồ sơ;
- Biên bản nghiệm thu;
- Bảng tổng hợp nghiệm thu;
- Bảng chi tiết khối lượng nghiệm thu.

2.2. Trình tự thực hiện công tác nghiệm thu: Hàng tháng hai Bên sẽ tiến hành nghiệm thu kết quả khối lượng, chất lượng thực hiện theo mẫu của Quyết định 2295/QĐ-TT ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Trung tâm về ban hành Quy trình thống kê và nghiệm thu khối lượng vận tải hành khách công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thẩm quyền quản lý của Trung tâm Quản lý

Giao thông công cộng; Văn bản số 2473/TT-QLĐH ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Trung tâm về việc hướng dẫn quy trình xác nhận chuyển - đối soát số chuyên vận doanh ghi nhận qua Lệnh vận chuyển và dữ liệu giám sát hành trình trên hệ thống eBMS làm cơ sở nghiệm thu các tuyến xe buýt có trợ giá và các Quyết định, văn bản điều chỉnh bổ sung (nếu có).

2.3. Công tác đối chiếu số liệu và nghiệm thu:

- Bước 1: Bên B gửi hồ sơ đề nghị nghiệm thu về Bên A

- Bước 2: Bên B làm việc theo lịch đối chiếu của Bên A. Nhân viên Bên A và nhân viên Bên B ký xác nhận trên các mẫu Biên bản tổng hợp nghiệm thu số chuyên vận và sản lượng, Biên bản chi tiết số chuyên được nghiệm thu, Biên bản chi tiết số chuyên không được nghiệm thu, Biên bản thống kê khối lượng vận chuyển từng ngày trên tuyến xe buýt có hỗ trợ. Song song đó, Bên A và Bên B cũng thống nhất các nội dung vi phạm Hợp đồng trong tháng.

- Bước 3: Sau khi đối chiếu và thống nhất các số liệu hai Bên tiến hành họp thống nhất khối lượng và chất lượng nghiệm thu.

- Bước 4: Sau khi họp thống nhất khối lượng và chất lượng nghiệm thu đơn vị vận tải tiến hành hoàn tất và gửi hồ sơ nghiệm thu về Bên A.

3. Các trường hợp không nghiệm thu:

a. Không nghiệm thu chuyển đối với các trường hợp sau:

- Thiếu chữ ký xác nhận chuyển của nhân viên điều hành trong lệnh vận chuyển nhưng không đủ thông tin, dữ liệu GPS và các thông tin dữ liệu khác (camera, RFID, bản tường trình của Nhân viên điều hành, đơn đề nghị của đơn vị quản lý) để đảm bảo chứng minh chuyển xe có hoạt động;

- Chuyển thiếu chữ ký nhân viên điều hành do lỗi lái xe, nhân viên phục vụ không chấp hành việc trình ký Lệnh vận chuyển;

- Xe về bến trễ từ 30 phút trở lên so với giờ đến của biểu đồ chạy xe do lỗi chủ quan của Bên B hoặc Bên B không chứng minh được lý do khách quan như kẹt xe, ngập nước, lộ trình tuyến bị thay đổi do phân luồng giao thông đột xuất (ngoại trừ các trường hợp Bên A đã có thông báo tạm điều chỉnh lộ trình) hoặc điều tiết của lực lượng chức năng;

- Sau 12 giờ tính từ thời điểm ghi nhận lỗi mất tín hiệu GPS đột xuất (chỉ xem xét khi thời điểm mất tín hiệu lúc phương tiện đang trong quá trình hoạt động, không xem xét đối với trường hợp xe đưa vào hoạt động kể từ chuyển đầu tiên trong ngày đã mất tín hiệu), Bên B vẫn tiếp tục cho xe buýt vận hành mà không khắc phục tình trạng lỗi tín hiệu GPS (ngoại trừ các trường hợp mất tín hiệu do lỗi của hệ thống Bên A hoặc sự kiện bất ngờ);

- Các chuyến xe mất tín hiệu GPS đột xuất trong quá trình hoạt động đảm bảo trong khoảng thời gian 12 giờ nhưng đơn vị không chứng minh được bằng các thông tin, dữ liệu khác...

- Thời gian chuyển ghi nhận từ hệ thống kiểm soát và thông tin xe buýt xuất bến sớm hoặc trễ từ 10 phút trở lên so với giờ kế hoạch (ngoại trừ trường hợp xuất bến linh động).

- Mất cả 2 liên của Lệnh vận chuyển (Liên trắng và liên hồng). Đối với trường hợp chỉ mất liên trắng và còn liên hồng thì hai Bên sẽ tiến hành lập biên bản và thực hiện tái xác nhận để khôi phục chứng từ theo quy định làm cơ sở nghiệm thu;

- Không đảm bảo tính đầy đủ và hợp lệ của thông tin ghi trên Lệnh vận chuyển: đầy đủ thông tin ghi bên ngoài nhưng không có con dấu, chữ ký của đại diện đơn vị; Có con dấu, chữ ký của đại diện đơn vị nhưng không có đủ thông tin bên ngoài gồm: tên tuyến, ngày cấp, ngày vận chuyển, tên lái xe, hạng giấy phép lái xe, tên nhân viên phục vụ (nếu có), biển kiểm soát xe; Sử dụng con dấu chữ ký; Đóng dấu không chỉ; Con dấu không hợp lệ. Ngoại trừ trường hợp nhầm lẫn thông tin biển kiểm soát xe được đơn vị vận tải xác nhận bằng văn bản, dữ liệu GPS của chuyến xe;

- Chuyến được xác định là chuyến ký hợp thức hóa, ký không;

- Số chuyến Bên B hoạt động vượt kế hoạch khi chưa có Quyết định hoặc sự đồng ý của Bên A;

- Chuyến xe hoạt động không đúng lộ trình: Dữ liệu giám sát hành trình ghi nhận không đúng lộ trình (trừ trường hợp đơn vị chứng minh là do khách quan, không xét các trường hợp chứng minh sai, thiếu dữ liệu, không đảm bảo yếu tố xem xét công nhận chuyến); Chuyến chạy sai lộ trình đã được xử phạt bằng Quyết định;

- Người ký đại diện đơn vị vận tải trên Lệnh vận chuyển không đúng thẩm quyền theo quy định;

- Đơn vị vận tải nộp lệnh vận chuyển không đúng thời gian quy định (trước 10 giờ 00 sáng ngày hôm sau). Trường hợp đối với Lệnh vận chuyển hoạt động vào ngày thứ Sáu và thứ Bảy thì sẽ phải nộp vào ngày thứ Hai của tuần kế tiếp, trừ trường hợp các ngày Lễ, Tết, Bên A sẽ có văn bản thông báo quy định thời gian nộp Lệnh vận chuyển khác với nội dung trên. Trường hợp đặc biệt, Bên B nộp Lệnh vận chuyển trễ do yếu tố khách quan, đặc biệt và Bên B phải chứng minh, cam kết chịu trách nhiệm và thời gian nộp trễ không quá 03 (ba) ngày làm việc;

- Ghi sai số seri vé trên Lệnh vận chuyển, trừ trường hợp Bên B chứng minh và có văn bản đề nghị điều chỉnh với số seri đã điều chỉnh;

- Phương tiện hoạt động chưa được sự đồng ý Bên A hoặc Sở Xây dựng bằng văn bản (trừ các trường hợp đột xuất);

- Phương tiện hoạt động nhưng chưa đáp ứng yêu cầu theo Hồ sơ dự thầu và Hợp đồng ký kết;

- Đối với trường hợp điều động dài hạn chưa có đồng ý bằng văn bản của Bên A;

- Đối với trường hợp điều động đột xuất: Bên B không báo cáo về bộ phận điều hành trực tuyến của Bên A để ghi nhận trên hệ thống hoặc Phương tiện điều động đột xuất có nhóm xe nhỏ hơn nhóm xe được quy định (ngoại trừ các trường hợp đặc biệt được Bên A đồng ý trước khi điều động tăng cường);

- Chuyển xe vi phạm hành vi bố trí lái xe, nhân viên phục vụ không đúng tên trong Lệnh vận chuyển, không bố trí nhân viên phục vụ đối với tuyến quy định có nhân viên phục vụ;

- Xe lạm dụng quyền ưu tiên lưu thông vào làn xe 2 - 3 bánh được quy định tại Quyết định số 3653/QĐ-UBND ngày 25/7/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

- Vượt ẩu, chạy quá tốc độ cho phép, tranh giành khách. Việc xác định tốc độ cho phép trên các tuyến đường căn cứ vào biển báo giao thông. Vượt tốc độ quy định từ 05 km/giờ trở lên thông qua thiết bị giám sát hành trình GPS. Lưu thông vào đường cấm hoặc lưu thông trên vỉa hè;

- Lái xe tự ý giao xe cho người khác có giấy phép lái xe phù hợp với loại xe điều khiển nhưng chưa đăng ký danh sách với Bên A khi đang làm nhiệm vụ. Trong trường hợp đột xuất, khi giao xe cho người khác thay thế phải đủ điều kiện điều khiển phương tiện theo quy định, phải báo về điều hành của Bên B và ghi vào Lệnh vận chuyển ngay chuyến đó;

- Xe dừng tiếp nhiên liệu, tiếp nạp bình ắc quy điện, sang chiết nhiên liệu khi xe đang vận hành;

- Nhân viên Bên B sử dụng rượu, bia hoặc vi phạm trong máu, hơi thở có nồng độ cồn vượt quá theo quy định; sử dụng các chất kích thích khi đang làm nhiệm vụ trên tuyến.

- Các trường hợp khác theo quy định.

3.2. Không nghiệm thu chuyển xe hoạt động có máy lạnh đối với các trường hợp sau:

- Chuyển xe có ghi nhận trên Lệnh vận chuyển là xe hư máy lạnh hoặc không mở máy lạnh;

- Chuyển xe có nhân viên kiểm tra ghi nhận trên Lệnh vận chuyển xe hoạt động không mở máy lạnh hoặc các hành vi tương đương vi phạm xe không mở máy lạnh hoặc mở máy lạnh nhưng không có tác dụng;

- Chuyển xe tại thời điểm nghiệm thu có quyết định xử phạt hành vi không mở máy lạnh;

- Chuyển xe mà dữ liệu máy lạnh ghi nhận trên hệ thống kiểm soát và thông tin xe buýt “máy lạnh tắt 100% trong một chuyến”.

- Các trường hợp khác theo quy định.

4. Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của nhà thầu:

Mức độ hoàn thành nhiệm vụ của nhà thầu theo Nội dung cung cấp dịch vụ được nêu tại Điều 1 của Hợp đồng được đánh giá thông qua Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ vận tải hành khách công cộng trên các tuyến xe buýt có trợ giá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo nội dung tại Thông báo số 156/TB-TTQLGTCC ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Trung tâm (trừ việc không đánh giá tiêu chí tỷ lệ về khen thưởng gương người tốt, việc tốt và phương thức thực hiện quy định Bộ tiêu chí) và các văn bản thay thế hoặc điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 11. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng:

- Sau khi ký hợp đồng, hàng năm căn cứ vào dự toán kinh phí hỗ trợ xe buýt được giao của từng năm và nhận được bảo lãnh tạm ứng từng năm của Bên B, Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 15% giá trị hợp đồng thực hiện trong từng năm theo hợp đồng. Giá trị tạm ứng được chuyển trực tiếp vào tài khoản của Bên B.

- Thu hồi tạm ứng được thực hiện từ đợt thanh toán đầu tiên và kết thúc thu hồi khi giá trị thanh toán đạt 80% giá trị hợp đồng (bao gồm cả tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành).

- Tiền tạm ứng sẽ được thu hồi bằng cách giảm trừ trong các lần thanh toán. Mức thu hồi tạm ứng từng đợt được xác định theo công thức sau:

$$\text{Giá trị thu hồi tạm ứng đợt} = \frac{[\text{Giá trị nghiệm thu thanh toán đợt} \times \text{Giá trị tạm ứng}]}{[80\% \times \text{Giá trị Hợp đồng}/\text{Phụ lục Hợp đồng}]}$$

- Bảo lãnh tiền tạm ứng hợp đồng có giá trị tương đương với giá trị tiền tạm ứng hợp đồng.

- Bảo lãnh tạm ứng có hiệu lực cho tới khi Bên A thu hồi hết giá trị tạm ứng. Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ được khấu trừ tương ứng với giá trị tạm ứng được thu hồi qua các đợt thanh toán.

- Bên B có trách nhiệm quản lý và sử dụng tiền tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng và hiệu quả. Nghiêm cấm việc sử dụng tiền tạm ứng không đúng mục đích.

- Trường hợp Bên B là liên danh các nhà thầu thì từng thành viên trong liên danh phải nộp cho Bên A bảo lãnh tạm ứng hợp đồng từng năm với giá trị tương đương khoản tiền tạm ứng cho từng thành viên, trừ trường hợp các thành viên trong liên danh thỏa thuận để nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo lãnh tạm ứng hợp đồng cho Bên A.

2. Thanh toán:

2.1. Nguyên tắc chung:

Giá trị thanh toán cho Bên B sẽ được xác định theo số chuyển thực tế thực hiện đã được nghiệm thu và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo Bộ tiêu

chỉ đánh giá chất lượng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên từng tuyến/tháng.

Bên A sẽ chuyển khoản cho Bên B sau khi nhận được hồ sơ thanh toán đầy đủ, hợp lệ. Việc thanh toán được thực hiện như sau:

- Hàng tháng sau khi các bên nghiệm thu khối lượng thực hiện, Bên A nhận được hồ sơ nghiệm thu khối lượng và hồ sơ đề nghị thanh toán do Bên B gửi, Bên A tiến hành lập thủ tục thanh toán cho Bên B 100% giá trị khối lượng thực hiện của tháng đã được nghiệm thu sau khi đã thu hồi khoản tạm ứng, tiền phạt. Mọi sự chậm trễ do chủ quan của Bên B dẫn đến chậm thanh toán hoặc không được thanh toán Bên B phải gánh chịu.

- Cuối mỗi kỳ, sau khi có kết quả đánh giá hoàn thành nhiệm vụ từng tuyến của Bên B, Bên A sẽ giảm trừ thanh toán của kỳ đánh giá (nếu có) vào giá trị thanh toán tháng kế tiếp theo quy định theo nội dung của Thông báo số 156/TB-TTQLGTCC ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Trung tâm về triển khai thực hiện Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ vận tải hành khách công cộng trên các tuyến xe buýt có trợ giá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (*trừ việc không đánh giá tiêu chí tỷ lệ về khen thưởng gương người tốt, việc tốt và phương thức thực hiện quy định Bộ tiêu chí*) và các văn bản có liên quan trong công tác đánh giá Bộ tiêu chí chất lượng dịch vụ vận tải hành khách công cộng trên các tuyến xe buýt có hỗ trợ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và các văn bản thay thế hoặc điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền. Phương thức thực hiện, như sau:

Mức độ đánh giá	Điểm đánh giá đạt	Hình thức xử lý
Hoàn thành tốt nhiệm vụ	$8 \leq$ Điểm đánh giá ≤ 10	Thanh toán 100% giá trị hợp đồng và xếp hạng ưu tiên khi dự thầu cho các tuyến khác hoặc tiếp tục đấu thầu quyền vận hành cho tuyến hiện tại
Hoàn thành nhiệm vụ (Đạt yêu cầu)	$5 \leq$ Điểm đánh giá < 8	Thanh toán 100% giá trị hợp đồng
Không hoàn thành nhiệm vụ (cần chấn chỉnh, hoàn thiện)	$4 \leq$ Điểm đánh giá < 5	Thanh toán 99% giá trị hợp đồng của tuyến, cảnh báo nhà thầu cần có các biện pháp tăng cường việc quản lý thực hiện hợp đồng
Không thể chấp nhận được	< 4	Thanh toán 98 % giá trị hợp đồng của tuyến và xem xét chấm dứt hợp đồng. Đưa vào danh sách các nhà thầu bị hạn chế tham dự thầu

- Căn cứ vào Quyết định của tuyến, Bên A xác nhận số xe cần hoạt động trên tuyến và chứng từ kế toán (Hóa đơn, biên lai thu phí, phiếu thu) để thanh toán tiền cho Bên B (với điều kiện số xe trên chứng từ kế toán không cao hơn số xe hoạt động trên tuyến).

- Trong trường hợp Bên B không nộp Hợp đồng/Phụ lục hợp đồng, hồ sơ thanh toán, quyết toán làm ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân chung theo yêu cầu của Bên A, Bên A không làm thủ tục thanh toán của tháng đó và không chịu trách nhiệm về giá trị quyết toán cũng như kinh phí phải thanh toán cho Bên B.

- Việc thực hiện thanh toán theo quy trình và các thành phần hồ sơ chứng từ thanh toán; quyết toán được thực hiện theo quy định của Sở Xây dựng về ban hành Quy chế quản lý, kiểm soát kinh phí ngân sách nhà nước về kinh phí hỗ trợ xe buýt trên địa bàn thành phố thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Xây dựng kể từ ngày có hiệu lực ban hành.

Hàng năm, sau khi nghiệm thu khối lượng thực hiện tháng 12, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B sau khi giảm trừ thanh toán giá trị khối lượng thực hiện kỳ đánh giá (nếu có) theo kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo Bộ chỉ số KPI kỳ đánh giá cuối cùng trong năm.

2.2. Một số nguyên tắc thanh toán đối với các trường hợp phát sinh khác:

a. Đối với các chuyến xe mà Bên B sử dụng phương tiện có đơn giá chi phí theo Quyết định 3677/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố (Giá thành 01 km) cao hơn đơn giá chi phí của phương tiện quy định trên tuyến khi được sự thống nhất của Bên A thì hỗ trợ được tính như sau:

- Mức hỗ trợ 01 chuyến được tính theo kinh phí hỗ trợ của phương tiện quy định trên tuyến (mức hỗ trợ này được tính tại thời điểm có sự thay đổi phương tiện).

- Phần chênh lệch chi phí do thay đổi giá bán nhiên liệu, mức lương cơ sở (nếu có) được tính theo mức chênh lệch đơn giá (đồng/km) của loại phương tiện quy định trên tuyến.

b. Đối với trường hợp các chuyến xe mà Bên B sử dụng phương tiện có đơn giá chi phí theo Quyết định 3677/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố (Giá thành 01 km) thấp hơn đơn giá chi phí của phương tiện quy định trên tuyến khi được sự thống nhất của Bên A thì kinh phí hỗ trợ hoạt động trên tuyến được tính như sau:

- Mức hỗ trợ 01 chuyến = Kinh phí hỗ trợ 01 chuyến được quy định trên tuyến – (chi phí/chuyến theo loại xe trên tuyến – chi phí/chuyến theo loại xe thay đổi); trong đó: Chi phí/chuyến = [(giá thành 01 km + chênh lệch nhiên liệu tính kinh phí hỗ trợ) x cự ly tuyến]. Trường hợp mức hỗ trợ 01 chuyến theo tính toán trên có giá trị nhỏ hơn 0 đồng thì mức hỗ trợ được tính bằng 0 đồng;

- Phần chênh lệch chi phí do thay đổi giá bán nhiên liệu, mức lương cơ sở so với mức đã được tính kinh phí hỗ trợ trong Hợp đồng (nếu có) được tính theo mức chênh lệch đơn giá (đồng/km) của loại phương tiện có đơn giá chi phí theo Quyết định 3677/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2019 (Giá thành 01 km) nhỏ hơn.

- Bên B sử dụng đúng phương tiện đã trúng thầu, trong các trường hợp khác căn cứ theo đề nghị của Bên B mà Bên A sẽ có Thông báo cụ thể thực hiện.

c. Đối với các chuyến xe không máy lạnh thì mức hỗ trợ được tính như sau:

- Mức hỗ trợ 01 chuyến = kinh phí hỗ trợ 01 chuyến được quy định trên tuyến – (35% x chi phí/chuyến của tuyến); trong đó: Chi phí/chuyến = [(giá thành 01 km + chênh lệch nhiên liệu tính hỗ trợ) x cự ly tuyến]. Trường hợp mức hỗ trợ 01 chuyến theo tính toán trên có giá trị nhỏ hơn 0 đồng thì được tính là 0 đồng.

- Các chuyến xe hoạt động không máy lạnh: không tính toán phần chênh lệch chi phí do thay đổi giá bán nhiên liệu, mức lương cơ sở so với mức đã được tính kinh phí hỗ trợ trong Hợp đồng (nếu có).

3. Quyết toán:

3.1. Bên B có trách nhiệm lập hồ sơ quyết toán và giao nộp cho Bên A theo đúng mẫu biểu do Bên A cung cấp.

3.2 Việc Bên B chậm hoặc không thực hiện lập và giao nộp hồ sơ quyết toán giá trị hợp đồng cho Bên A theo đúng thời hạn quy định thì Bên B chịu trách nhiệm về giá trị quyết toán do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Bên A không chịu trách nhiệm giải quyết.

3.3. Giá trị chính thức là giá trị quyết toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và ban hành báo cáo xét duyệt quyết toán kinh phí hỗ trợ xe buýt.

3.4. Đối với quyết toán hàng năm: Trường hợp giá trị Bên A thanh toán cho Bên B lớn hơn quyết toán của cấp có thẩm quyền thì Bên B phải hoàn lại giá trị lớn hơn đó cho Bên A trong vòng 15 ngày kể từ ngày Bên A thông báo cho Bên B về kết quả phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền đối với quyết toán năm trước liền kề. Nếu Bên B không nộp hoàn trả ngân sách đúng thời hạn nêu trên thì Bên A sẽ trích tiền kinh phí hỗ trợ phải thanh toán cho Bên B ở năm hiện hành vào tài khoản tạm giữ của Bên A số tài khoản 3741.0.1043606.92999 tại Kho bạc nhà nước khu vực II để Bên A để nộp hoàn trả ngân sách theo Thông báo xét duyệt quyết toán của cơ quan có thẩm quyền.

3.5. Trước khi thanh toán tiền hỗ trợ của tháng cuối cùng để kết thúc hợp đồng, Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu 100% giá trị khối lượng hoàn thành cho nhà thầu; trước khi thanh toán cho nhà thầu, Chủ đầu tư trích 01% giá trị khối lượng hoàn thành năm cuối của gói thầu vào tài khoản tạm giữ của Chủ đầu tư số tài khoản 3741.0.1043606.92999 tại Kho bạc nhà nước khu vực II để đảm bảo quyết toán.

Điều 12. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

- Hai Bên thỏa thuận, cam kết và thống nhất mức xử phạt và các biện pháp phạt bổ sung khác đối với các hành vi vi phạm Hợp đồng quy định tại Phụ lục đính kèm Hợp đồng này.

- Đối với những hành vi vi phạm Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2024; Nội quy khai thác tuyến xe buýt và các quy định pháp luật khác có liên quan hoặc Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục

hồi điểm giấy phép lái xe của Bên B mà Bên A chưa nêu trong Nội quy khai thác tuyến xe buýt, hợp đồng này thì Bên A sẽ tổng hợp hành vi vi phạm chuyển cơ quan chức năng xử lý theo quy định.

1. Mức phạt do vi phạm Hợp đồng

1.1. Tất cả các hành vi vi phạm Nội quy khai thác tuyến xe buýt đều bị xử phạt do vi phạm Hợp đồng. Mức xử phạt cụ thể được hai bên thỏa thuận, cam kết và thống nhất đối với các hành vi vi phạm Hợp đồng sẽ căn cứ vào Nội quy khai thác tuyến xe buýt trên các tuyến xe buýt có hỗ trợ do cơ quan có thẩm quyền ban hành để đưa mức xử phạt và các biện pháp phạt bổ sung tương ứng chung cho tất cả các tuyến xe buýt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. *(Đính kèm tại Phụ lục Mức phạt do vi phạm hợp đồng).*

1.2. Bên B chịu trách nhiệm trước Bên A mọi hành vi vi phạm của cá nhân thuộc đơn vị mình quản lý bị xử phạt khi vi phạm nội dung Hợp đồng này.

1.3. Nguyên tắc xử phạt do vi phạm Hợp đồng

a) Nguyên tắc xử phạt

- Hai bên thỏa thuận, cam kết và thống nhất đối với các hành vi vi phạm Hợp đồng sẽ căn cứ vào Nội quy khai thác tuyến xe buýt trên các tuyến xe buýt có hỗ trợ do cơ quan có thẩm quyền ban hành để đưa mức xử phạt và các biện pháp phạt bổ sung tương ứng chung cho tất cả các tuyến xe buýt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bên A xử phạt vi phạm Hợp đồng đối với Bên B trong trường hợp lỗi vi phạm là nguyên nhân chủ quan của Bên B khi thực hiện Hợp đồng.

- Đối với số chuyến không thực hiện trong tháng, sau khi rà soát các nguyên nhân khách quan, chủ quan thì số chuyến không thực hiện do nguyên nhân chủ quan được xử lý như sau:

+ Bên A không xử phạt số chuyến không thực hiện nêu trên trong trường hợp Bên B có điểm đánh giá trong tháng nhỏ hơn 4;

+ Bên A xử phạt số chuyến không thực hiện nêu trên theo quy định của Phụ lục hợp đồng trong trường hợp Bên B có điểm đánh giá trong tháng từ 4 trở lên.

- Bên B có trách nhiệm chứng minh hành vi vi phạm các cam kết trong Hợp đồng đã ký kết với Bên A thuộc yếu tố khách quan để Bên A xem xét trong quá trình xử phạt vi phạm Hợp đồng.

b) Nguyên tắc xác định số lần hành vi vi phạm

- Quyết định xử phạt đối với từng hành vi là cơ sở xác định số lần vi phạm.

- Đối với các lỗi vi phạm liên quan đến hành vi của cá nhân là nhân viên điều hành, lái xe, nhân viên phục vụ của Bên B thì mức phạt được xét theo từng cá nhân và từng hành vi vi phạm.

- Đối với các lỗi vi phạm liên quan đến trách nhiệm quản lý của Bên B thì mức phạt được xét theo từng đơn vị và từng hành vi vi phạm.

- Đối với các lỗi vi phạm không có hình thức phạt bổ sung “đình chỉ hoạt động” hoặc “chấm dứt hợp đồng”: Trong trường hợp khách quan chưa thể chấm dứt hoạt động, nếu tiếp tục vi phạm thì vi phạm từ lần thứ 4 trở lên thì mức phạt bằng mức phạt lần thứ 3.

- Đối với các lỗi vi phạm có hình thức phạt bổ sung “đình chỉ hoạt động”: Trong trường hợp Bên B, cá nhân tiếp tục vi phạm từ lần thứ 4 trở lên thì mức phạt bằng mức phạt lần thứ 3 (trừ các trường hợp hình thức phạt bổ sung “không tiếp nhận hoạt động trên tất cả các tuyến xe buýt”, “đình chỉ vĩnh viễn”).

2. Xử phạt Bên B có lái xe, nhân viên phục vụ vi phạm qua phản ánh của các phương tiện thông tin, báo, đài, người dân, đường dây nóng, website, giám sát trên phần mềm quản lý thiết bị giám sát hành trình, Lệnh vận chuyển.

Tất cả các hành vi vi phạm Nội quy khai thác tuyến xe buýt và hành vi không đảm bảo an toàn giao thông theo quy định bị phát hiện qua phản ánh của các phương tiện thông tin, báo, đài, người dân, đường dây nóng, website, nếu xác minh đúng sự thật hoặc Bên B không cung cấp hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu không đủ cơ sở để xác minh (hình ảnh mờ, không có âm thanh, không có hình ảnh vào thời gian xảy ra vi phạm khi bị phản ánh) để phục vụ công tác xác minh, xử lý đều bị coi là vi phạm và đều bị xử phạt. Mức xử phạt tương ứng với các hành vi vi phạm được quy định tại các điểm trong khoản 1 Điều này. Ngoài ra, đối với các hành vi vi phạm Nội quy khai thác tuyến xe buýt được phát hiện trên phần mềm quản lý thiết bị giám sát hành trình cũng được xem là vi phạm và bị xử phạt.

3. Xử phạt Bên B có lái xe, nhân viên phục vụ vi phạm bị phát hiện qua quay phim, chụp ảnh:

a. Các hành vi vi phạm Nội quy khai thác tuyến xe buýt khi bị phát hiện qua quay phim, chụp ảnh, thì đều bị coi là vi phạm và đều bị xử phạt. Mức xử phạt tương ứng với các hành vi vi phạm được quy định tại các khoản 1, 2 Điều này;

b. Các hình ảnh căn cứ để xử phạt vi phạm Hợp đồng phải rõ ràng, khách quan, trung thực, thể hiện rõ thời gian (giờ, ngày, tháng, năm), số xe, bối cảnh xung quanh. Không sử dụng các hình ảnh bị mờ, chấp vá, không thể xác định hành vi vi phạm bằng mắt thường để xử phạt vi phạm Hợp đồng.

4. Xử phạt Bên B về vi phạm bỏ chuyên:

Thực hiện theo Quyết định số 852/QĐ-TTQLGTCC ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Trung tâm về ban hành Quy định về công tác xử lý vi phạm trong hoạt động xe buýt, xe đưa rước học sinh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và Thông báo số 156/TB-TTQLGTCC ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Trung tâm về Triển khai thực hiện Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ trên các tuyến có trợ giá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (*trừ việc không đánh giá tiêu chí tỷ lệ về khen thưởng gương người tốt, việc tốt và phương thức thực hiện quy định Bộ tiêu chí*).

5. Xử lý Bên A vi phạm Hợp đồng:

Cán bộ, viên chức, người lao động Bên A có hành vi vi phạm như lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vụ lợi, sách nhiễu gây phiền hà cho Bên B thì tùy theo tính chất mức độ của hành vi mà bị xử lý theo quy định của pháp luật, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật, cụ thể đối với các trường hợp vi phạm như sau:

a. Đối với nhân viên điều hành đầu cuối tuyến nếu có hành vi vi phạm sách nhiễu gây phiền hà cho Bên B, xác nhận không số chuyến, bỏ trực, đi muộn về sớm mà không có lý do chính đáng, làm mất Lệnh vận chuyển;

b. Đối với nhân viên kiểm tra của Bên A, nhân viên tại các bến, bãi, nếu có hành vi vi phạm lợi dụng quyền hạn để vụ lợi, sách nhiễu gây phiền hà cho Bên B, xử lý không kịp thời, triệt để các hành vi vi phạm, bỏ ca trực;

c) Đối với nhân viên kiểm tra đối chiếu sản lượng nếu có hành vi vi phạm sách nhiễu gây phiền hà cho Bên B, xác nhận không số chuyến, sản lượng, thực hiện không đúng quy trình đối chiếu sản lượng, làm mất Lệnh vận chuyển;

d) Đối với nhân viên kế toán Bên A nếu có hành vi vi phạm sách nhiễu gây phiền hà cho Bên B, thực hiện không đúng quy trình thanh quyết toán tiền hỗ trợ cho Bên B theo quy định;

đ) Đối với nhân viên xử lý vi phạm Bên A nếu có hành vi vi phạm sách nhiễu gây phiền hà cho Bên B, xử lý không đúng theo quy định.

6. Để đảm bảo hoạt động ổn định trên tuyến, liên tục phục vụ nhu cầu người dân, trường hợp Bên B không bố trí đủ phương tiện đúng quy định theo hồ sơ dự thầu tại thời điểm bắt đầu triển khai hoạt động (trừ trường hợp bất khả kháng) và có văn bản báo cáo về lý do chưa đảm bảo tiến độ (đính kèm tài liệu chứng minh), thì Bên B phải có trách nhiệm đảm bảo bằng phương tiện khác để vận chuyển hành khách tạm thời trên tuyến và chịu toàn bộ chi phí phát sinh. Bên A không nghiệm thu, thanh toán trong trường hợp này. Đồng thời, Bên B sẽ bị phạt số tiền tương ứng 2% giá trị hỗ trợ của 12 tháng liền kề theo hợp đồng đối với thời gian mỗi 1 tuần trễ hạn đối với tuyến thiếu phương tiện. Trường hợp trễ hạn quá 30 ngày mà Bên B chưa đưa đủ phương tiện đúng quy định vào hoạt động thì Bên A sẽ xem xét chấm dứt toàn bộ hợp đồng với Bên B.

Điều 13. Trình tự, thủ tục xử lý vi phạm Hợp đồng và đánh giá hoàn thành nhiệm vụ

1. Thẩm quyền:

a. Những người có thẩm quyền do Giám đốc Bên A giao nhiệm vụ kiểm tra có quyền kiểm tra, giám sát, quay phim, chụp ảnh, lập Biên bản các hành vi vi phạm Hợp đồng của Bên B;

b. Người đại diện theo pháp luật của Bên B có quyền yêu cầu (bằng văn bản) Giám đốc Bên A xử lý vi phạm Hợp đồng của Bên A quy định tại Khoản 5 Điều 12 Hợp đồng này;

c. Giám đốc Bên A hoặc người được ủy quyền theo quy định có quyền ban hành Quyết định xử lý, xử phạt các hành vi vi phạm Hợp đồng.

2. Lập biên bản:

a. Khi phát hiện hành vi vi phạm Hợp đồng, người có thẩm quyền được giao nhiệm vụ phải kịp thời lập biên bản hoặc ghi hình để làm chứng cứ xử phạt vi phạm hợp đồng theo đúng quy định.

b. Trong Biên bản phải ghi rõ thời gian, địa điểm, địa điểm lập Biên bản; họ tên, chức vụ người lập Biên bản; thông tin về đối tượng vi phạm; nội dung vi phạm; điều, khoản vi phạm; giờ, ngày, tháng, năm vi phạm; địa điểm xảy ra vi phạm; ý kiến của người vi phạm, người làm chứng (nếu có);

c. Biên bản phải được người lập Biên bản và người vi phạm cùng ký tên, nếu có người làm chứng thì họ cùng ký vào Biên bản. Nếu người vi phạm từ chối ký vào Biên bản thì người lập Biên bản phải ghi rõ nội dung người vi phạm không ký tên vào biên bản;

d. Đối với các trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 12 Hợp đồng thì được tiến hành như sau:

- Quay phim, chụp ảnh đồng thời tiến hành lập Biên bản;
- Xử lý hình ảnh ghi nhận được, tiến hành xử lý vi phạm (kèm theo Biên bản và hình ảnh);

e. Biên bản lập xong phải được giao cho người vi phạm một bản.

3. Công tác, kiểm tra đánh giá:

- Bên A sẽ thực hiện kiểm tra thường xuyên liên tục trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng để ghi nhận chất lượng dịch vụ do Bên B cung ứng theo 02 hình thức là kiểm tra đột xuất và kiểm tra có báo trước.

- Kiểm tra đột xuất là hình thức nhân viên kiểm tra của Bên A xuất hiện đột ngột, lên xe và tiến hành công tác kiểm tra mà không báo trước cho lái xe và nhân viên điều hành trước khi xe xuất bến. Hoặc nhân viên kiểm tra âm thầm lên xe và quan sát đánh giá trong suốt chuyến xe và khi chuyến xe kết thúc tại điểm cuối sẽ làm việc với lái xe và tiếp viên về những nội dung mà mình thực hiện kiểm tra để lái xe và nhân viên phục vụ ghi nhận.

- Kiểm tra có báo trước là hình thức kiểm tra mà Bên A sẽ lên kế hoạch định kỳ và báo trước cho Bên B thời gian kiểm tra.

3.1. Công tác kiểm tra, đánh giá bộ tiêu chí chất lượng dịch vụ vận tải hành khách công cộng:

Công tác đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Bên B theo quy định và hướng dẫn theo quy định theo nội dung của Thông báo số 156/TB-TTQLGTCC ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Trung tâm về triển khai thực hiện Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ vận tải hành khách công cộng trên các tuyến xe buýt có trợ

giá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (*trừ việc không đánh giá tiêu chí tỷ lệ về khen thưởng gương người tốt, việc tốt và phương thức thực hiện quy định Bộ tiêu chí*) và các văn bản có liên quan trong công tác đánh giá Bộ tiêu chí chất lượng dịch vụ vận tải hành khách công cộng trên các tuyến xe buýt có hỗ trợ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và các văn bản thay thế hoặc điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền.

3.2. Công tác kiểm tra việc chấp hành nội quy, quy định ngành:

Công tác kiểm tra việc chấp hành nội quy, quy định ngành được hai bên thống nhất thực hiện theo quy định tại Quyết định 1341/QĐ-TT ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Trung tâm về việc ban hành quy trình tuần tra, kiểm tra, giám sát - điều hành, lập biên bản vi phạm về vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

a. Khi phát hiện hành vi vi phạm Hợp đồng, người có thẩm quyền được giao nhiệm vụ phải kịp thời lập biên bản hoặc ghi hình để làm chứng cứ xử phạt vi phạm hợp đồng theo đúng quy định.

b. Trong Biên bản phải ghi rõ thời gian, địa điểm, địa điểm lập Biên bản; họ tên, chức vụ người lập Biên bản; thông tin về đối tượng vi phạm; nội dung vi phạm; điều, khoản vi phạm; giờ, ngày, tháng, năm vi phạm; địa điểm xảy ra vi phạm; ý kiến của người vi phạm, người làm chứng (nếu có);

c. Biên bản phải được người lập Biên bản và người vi phạm cùng ký tên, nếu có người làm chứng thì họ cùng ký vào Biên bản. Nếu người vi phạm từ chối ký vào Biên bản thì người lập Biên bản phải ghi rõ nội dung người vi phạm không ký tên vào biên bản;

d. Đối với các trường hợp vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 12 Hợp đồng thì được tiến hành như sau:

- Quay phim, chụp ảnh đồng thời tiến hành lập Biên bản;
- Xử lý hình ảnh ghi nhận được, tiến hành xử lý vi phạm (kèm theo Biên bản và hình ảnh);

e. Biên bản lập xong phải được giao cho đối tượng vi phạm một bản.

4. Công tác tiếp nhận, xử lý thông tin phản ánh và biên bản vi phạm trong hoạt động xe buýt:

Hai bên thống nhất thực hiện theo quy định tại Quyết định số 852/QĐ-TTQLGTCC ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Trung tâm về ban hành Quy định về công tác xử lý vi phạm trong hoạt động xe buýt, xe đưa rước học sinh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Khiếu nại:

Bên B có quyền khiếu nại (bằng văn bản) đối với các trường hợp do Bên A thông báo liên quan đến các hành vi vi phạm Hợp đồng của mình nếu nhận thấy

không đúng. Thời gian khiếu nại trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định xử phạt do Bên A gửi qua hệ thống chính quyền điện tử, email, các kênh thông tin khác hoặc bằng đường bưu điện. Sau thời gian trên, Bên A có quyền không đồng ý giải quyết các khiếu nại của Bên B.

6. Thu, nộp tiền phạt:

- Đối với các Quyết định xử phạt của Bên A còn trong thời hiệu khiếu nại của Bên B, Bên A sẽ tạm thời chưa trừ vào tiền hỗ trợ mà ngân sách nhà nước cấp cho Bên B khi quyết toán với Bên A.

- Đối với các Quyết định xử phạt của Bên A quá thời hạn mà Bên B không khiếu nại, Bên A sẽ trừ vào tiền kinh phí hỗ trợ mà ngân sách nhà nước cấp cho Bên B khi quyết toán với Bên A.

Việc thu, nộp tiền xử phạt của Bên B hai bên thống nhất thực hiện theo quy định tại Văn bản số 3268/UB-ĐT ngày 2 tháng 6 năm 2005 và biên bản làm việc ngày 31 tháng 3 năm 2017 giữa Trung tâm với các đơn vị vận tải về việc chấp thuận khấu trừ 100% tiền xử phạt vi phạm hợp đồng khai thác VCHKCC trong hồ sơ thanh toán hỗ trợ xe buýt. Cụ thể:

- 70% tiền xử phạt sẽ giảm chi ngân sách tiền hỗ trợ.

- 30% tiền xử phạt Bên A được để lại để chi khen thưởng các cá nhân, đơn vị trong và ngoài ngành có thành tích tham gia kiểm tra, phát hiện phục vụ việc xử lý những hành vi vi phạm của lái xe, nhân viên phục vụ của đơn vị, đơn vị kinh doanh vận chuyển khách bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố (văn bản 3268/UB-ĐT ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố và các văn bản thay thế hoặc điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền).

Riêng đối với hành vi thu tiền không xé vé (ăn gian vé), Bên A khấu trừ 100% tiền xử phạt vi phạm hợp đồng cung ứng dịch vụ VTHKCC trong hồ sơ thanh toán kinh phí hỗ trợ hoạt động xe buýt, tỷ lệ trích tiền xử phạt áp dụng theo thông báo số 144/TB-SGTVT ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Sở Giao thông vận tải và các văn bản thay thế hoặc điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 14. Chấm dứt và thanh lý Hợp đồng

1. Chấm dứt Hợp đồng:

Hợp đồng chấm dứt hiệu lực một phần hoặc toàn bộ hợp đồng được căn cứ vào các Quyết định của cơ quan có thẩm quyền tại thời điểm quy định trong Quyết định ngưng hoạt động tuyến xe buýt hoặc Quyết định chuyển giao tuyến của Sở Xây dựng, của Bên A hoặc kể từ ngày đơn vị khác ký Hợp đồng thực hiện.

2. Thanh lý Hợp đồng:

a. Đối với trường hợp có Quyết định ngưng hoạt động tuyến của Sở Xây dựng, của Bên A:

Bên A sẽ thông báo cho Bên B biết và Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng cho đến thời điểm được nêu trong quyết định; Bên A sẽ tiến hành nghiệm thu và thanh/quyết toán (A-B) cho Bên B sau 30 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng và hai bên cùng tiến hành thủ tục thanh lý Hợp đồng;

b. Đối với trường hợp một trong hai bên vi phạm Hợp đồng:

Trường hợp Bên B vi phạm Hợp đồng: Bên A sẽ thông báo cho Bên B biết và Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng cho đến khi đơn vị khác đảm nhận thực hiện; Bên A sẽ tiến hành nghiệm thu và thanh/quyết toán (A-B) cho Bên B sau 30 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng và hai bên cùng tiến hành thủ tục thanh lý Hợp đồng. Mọi thiệt hại do vi phạm Hợp đồng gây ra bên vi phạm phải chịu trách nhiệm bồi thường;

c. Đối với trường hợp bất khả kháng, tuyến phải ngưng hoạt động khi có yêu cầu đột xuất bằng văn bản của UBND thành phố, Bộ Xây dựng hoặc Sở Xây dựng:

Bên A sẽ thông báo cho Bên B biết và Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng cho đến khi thời hạn chấm dứt Hợp đồng có hiệu lực được quy định tại Khoản 1 Điều 14. Bên A sẽ tiến hành nghiệm thu và thanh quyết toán cho Bên B sau 30 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng và hai bên cùng tiến hành thủ tục thanh lý Hợp đồng;

d. Đối với trường hợp Bên B đơn phương chấm dứt Hợp đồng:

Bên B phải thông báo (bằng văn bản) ngày ngưng hoạt động cho Bên A biết trước 30 ngày kể từ ngày Bên A nhận được văn bản của Bên B. Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng cho đến khi đơn vị khác đảm nhận thực hiện; Bên A sẽ tiến hành nghiệm thu và thanh quyết toán cho Bên B sau 30 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng và hai bên cùng tiến hành thủ tục thanh lý Hợp đồng. Mọi thiệt hại do Bên B đơn phương chấm dứt Hợp đồng gây ra Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường;

e. Trong trường hợp Sở Xây dựng ban hành Quyết định tuyến chuyển qua đơn vị khác: Bên A sẽ thông báo cho Bên B biết và Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng cho đến khi đơn vị khác đảm nhận thực hiện; Bên A sẽ tiến hành nghiệm thu và thanh quyết toán cho Bên B sau 30 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng và hai bên cùng tiến hành thủ tục thanh lý Hợp đồng;

f. Trong các trường hợp thanh lý Hợp đồng nêu trên chưa có đơn giá chính thức của UBND thành phố ban hành, thì thời hạn thanh lý Hợp đồng là sau ngày có Quyết định đơn giá chính thức của UBND thành phố, sau đó Bên A sẽ tiến hành thanh toán cho Bên B.

g. Hợp đồng được coi là tự động thanh lý khi hoàn thành công tác quyết toán và không xảy ra các trường hợp a, b, c, d, e, f tại điều này.

Điều 15. Cảnh báo vi phạm hợp đồng

Trong thời gian thực hiện hợp đồng Bên B không hoàn thành nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng thì Bên A sẽ đưa ra cảnh báo chính thức về tình hình vi phạm hợp đồng đối với Bên B bằng Thông báo hoặc các Biên bản làm việc thống nhất giữa các bên.

Bên A sẽ căn cứ tình hình vi phạm hợp đồng của Bên B để đưa ra cảnh báo về việc vi phạm có thể dẫn đến chấm dứt toàn bộ hợp đồng hoặc từng phần của hợp đồng này theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 16. Thông báo

1. Bất cứ các thông báo (xử lý vi phạm, cảnh báo vi phạm và các thông báo khác liên quan đến nội dung hợp đồng này) của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ sau:

- Địa chỉ gửi thông báo Bên A: 27 Phạm Viết Chánh, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh

- Điện thoại: 39.262.798

- Fax: 39.262.797

- Địa chỉ gửi thông báo Bên B: Bên A chuyển văn bản hoặc thông báo cho Bên A qua Hệ thống chính quyền điện tử. Trường hợp, cần thiết gửi về địa chỉ: 486-486A Lê Văn Lương, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Điện thoại:

Fax:

Điều 17. Bất khả kháng

- Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên, bao gồm nhưng không giới hạn như động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất; hỏa hoạn; dịch bệnh; chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam... Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên, Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

+ Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Điều 18. Giải quyết tranh chấp

Hai Bên cam kết thực hiện các điều khoản ghi trong Hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vướng mắc phát sinh hai Bên sẽ cùng bàn bạc giải quyết và được thể hiện bằng Phụ lục hợp đồng. Nếu có những hành vi vi

phạm phát sinh chưa được thể hiện trong nội dung Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng thì hai Bên sẽ cùng bàn bạc, xử lý theo quy định của pháp luật.

Khi có tranh chấp xảy ra, hai bên sẽ tiến hành thỏa thuận trên tinh thần hợp tác, tôn trọng lẫn nhau có tính đến quyền và lợi ích hợp pháp của các Bên. Trường hợp không thỏa thuận thành thì do Sở Xây dựng chủ trì để giải quyết tranh chấp. Trường hợp không chấp nhận kết quả hòa giải hai Bên thì sẽ tiến hành khởi kiện ra Tòa kinh tế của Tòa án nhân dân xét xử. Bản án có hiệu lực pháp luật là cơ sở pháp lý cuối cùng để hai bên có trách nhiệm thi hành.

Điều 19. Điều khoản chung

Hai bên thỏa thuận, thống nhất các Quyết định 2184/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về duyệt khung giá vé xe buýt hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 1025/QĐ-SGTVT ngày 02 tháng 03 năm 2017 của Sở Giao thông vận tải về việc ban hành quy định Nội quy khai thác tuyến xe buýt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh của Bên A ban hành là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng này. Mọi thay đổi các chỉ tiêu, thông số trong các Quyết định trên hai bên cam kết chấp hành và là căn cứ để thay đổi các nội dung có liên quan.

Hai bên thỏa thuận, thống nhất Quyết định công bố biểu đồ chạy xe, các Quyết định điều chỉnh biểu đồ chạy xe do cơ quan có thẩm quyền ban hành là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng này. Mọi thay đổi các chỉ tiêu, thông số trong các Quyết định trên mà hai bên cam kết chấp hành là căn cứ để tính chi phí hoạt động của tuyến.

Hai bên thỏa thuận, thống nhất Quyết định số 1566/QĐ-SGTVT ngày 16 tháng 6 năm 2011 của Sở Giao thông vận tải về việc ban hành Quy định tạm thời về tổ chức quản lý, sử dụng thiết bị giám sát hành trình trên các xe buýt hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Thông tư số 73/2014/TT-BGTVT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô; Thông tư số 09/2015/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về cung cấp, quản lý và sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô là bộ phận không thể tách rời và là căn cứ để thực hiện hợp đồng.

Hai bên thỏa thuận, cam kết và thống nhất đối với các hành vi vi phạm Hợp đồng sẽ căn cứ vào Nội quy khai thác tuyến xe buýt trên các tuyến xe buýt do cơ quan có thẩm quyền ban hành để đưa mức xử phạt và các biện pháp phạt bổ sung tương ứng chung cho tất cả các tuyến xe buýt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và các nội dung khác theo quy định hiện hành được thống nhất tại Hợp đồng này.

Hợp đồng này được lập thành 08 bản có giá trị như nhau, Bên A giữ 07 bản, Bên B giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Phụ lục:

THÔNG TIN CƠ BẢN HỢP ĐỒNG

(Đính kèm Hợp đồng số: ngày ... tháng ... năm 2025)

1. Tên gói thầu:

2. Chất lượng dịch vụ:

2.1. Thông tin tuyển:

STT	SHT	Tên tuyển
1		
2		

2.2. Về phương tiện:

STT	SHT	Theo Hồ sơ dự thầu/Hợp đồng				
		Sức chứa (chỗ)	Nhãn hiệu	Nhóm xe hỗ trợ	Năm sản xuất	Loại nhiên liệu
1						
2						

2.3. Về niêm yết thông tin và trang thiết bị trên xe:

- Màu sơn: Xanh dương (mã màu CMYK: 69;96;0;0);

- Thông tin bên ngoài và bên trong xe: Theo quy định tại văn bản số 19488/SGTVT-VTĐB ngày 28 tháng 11 năm 2017 của Sở Giao thông vận tải về phương án nhận diện xe buýt thành phố;

- Trang thiết bị trên xe: Theo đúng quy định các quy định hiện hành và E-HSMT.

2.4. Thông số hoạt động cơ bản của tuyển:

2.4.1. Thông số hoạt động Tuyển số ...:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2026	2027
I	Cự ly tuyển	Km		
II	Thời gian hoạt động			

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2026	2027
1	<i>Chuyến đầu tiên xuất bến</i>	Giờ		
2	<i>Chuyến cuối cùng xuất bến</i>	Giờ		
III	Giãn cách chạy xe			
1	Giờ cao điểm	Phút/lượt		
2	Giờ thấp điểm	Phút/lượt		
IV	Phương tiện			
1	Số xe hoạt động theo kế hoạch trong ngày	Xe		
2	Sức chứa của xe	Chỗ		
V	Tổng số chuyến xe hoạt động trong ngày	Lượt		
VI	Thời gian chuyến	Phút		

...

Ghi chú: Thông số hoạt động thay đổi khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Khối lượng, giá trị hợp đồng: Chi tiết theo các bảng đính kèm.

Phụ lục:
MỨC PHẠT DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG
(Đính kèm Hợp đồng số: ngày ... tháng ... năm 2025)

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
I.	QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ VẬN TẢI						
1	Đơn vị vận tải không có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng ô tô hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phù hợp với lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật.	13.000.000	ĐVVT bổ sung GPKD và GCN đăng ký kinh doanh 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.	14.000.000	ĐVVT bổ sung GPKD và GCN đăng ký kinh doanh sau 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành	15.000.000	ĐVVT bổ sung GPKD và GCN đăng ký kinh doanh sau 10 ngày kể từ ngày thứ 10 bị lập biên bản vi phạm lần 2. Sau thời gian này, ĐVVT không có giấy tờ trên Bên A sẽ xem xét chấm dứt hoạt động tuyến xe buýt.
2	Người điều hành vận tải là người đại diện theo pháp luật của đơn vị kinh doanh vận tải hoặc được người đại diện theo pháp luật của đơn vị kinh doanh vận tải giao nhiệm vụ bằng văn bản trực tiếp phụ trách hoạt động kinh doanh vận tải. Người điều hành vận tải không có trình độ chuyên môn về vận tải từ sơ cấp trở lên	3.000.000	Yêu cầu ĐV khắc phục lỗi vi phạm sau thời gian 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.	4.000.000	ĐVVT đình chỉ cá nhân không đáp ứng yêu cầu theo thông báo của Bên A, ĐVVT phải bố trí người khác đáp ứng đủ tiêu chuẩn để thay thế.	5.000.000	Bên A xem xét chấm dứt Hợp đồng với Bên B.
3	Đơn vị vận tải không có bộ máy kế toán hoàn chỉnh để thực hiện công tác quản	1.500.000	Yêu cầu ĐVVT phải nhanh chóng chấn chỉnh	1.500.000	Yêu cầu ĐVVT phải nhanh chóng chấn chỉnh khắc phục	1.500.000	Bên A chấm dứt hợp đồng với Bên B.

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
	lý theo quy định.		khắc phục lỗi vi phạm		lỗi vi phạm, kiện toàn lại bộ máy theo quy định		
4	Đơn vị vận tải tuyển dụng nhân viên kế toán không có văn bằng, nghiệp vụ kế toán phù hợp theo quy định.	1.500.000	Yêu cầu các Đơn vị vận tải phải nhanh chóng chấn chỉnh, khắc phục lỗi vi phạm. Cung cấp hồ sơ cá nhân có liên quan để trung tâm xem xét quyết định.	1.500.000	Yêu cầu các đơn vị vận tải phải nhanh chóng có văn bản báo cáo trung tâm có thời gian khắc phục trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành để trung tâm xem xét quyết định.	1.500.000	Yêu cầu đơn vị đình chỉ hoạt động đối với cá nhân vi phạm và nhanh chóng cơ cấu lại tổ chức của Đơn vị.
5	Đơn vị vận tải tham gia hoạt động không đáp ứng cơ bản theo yêu cầu chung quy định Nghị định 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ; Thông tư 36/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ giao thông vận tải.						
5.1	Phương tiện hoạt động xe buýt không đáp ứng điểm a khoản 2 Điều 4 của Thông tư 36/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ Giao thông vận tải	2.000.000	ĐVVT xây dựng kế hoạch và thực hiện bảo dưỡng phương tiện sau 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.	3.000.000	ĐVVT xây dựng kế hoạch và thực hiện bảo dưỡng phương tiện sau 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.	4.000.000	ĐVVT xây dựng kế hoạch và thực hiện bảo dưỡng phương tiện sau 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành. Đình chỉ các phương tiện không được bảo dưỡng theo quy định
5.2	Phương tiện hoạt động xe buýt không đáp ứng điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư 36/2024/TT-BGTVT ngày	1.000.000 * số PT	ĐVVT lập hồ sơ lý lịch phương tiện sau thời gian 10 ngày kể từ	2.000.000 * số PT	ĐVVT lập hồ sơ lý lịch phương tiện sau thời gian 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản	3.000.000 * số PT	ĐVVT lập hồ sơ lý lịch phương tiện sau thời gian 10 ngày kể từ ngày có hiệu

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
	15/11/2024 của Bộ Giao thông vận tải		ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.		do Bên A ban hành.		lực trong văn bản do Bên A ban hành. Đình chỉ hoạt động các phương tiện không có trong hồ sơ cho đến khi ĐVVT khắc phục xong.
5.3	Phương tiện hoạt động không đáp ứng Điều 11 Nghị định 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ	3.000.000	ĐVVT thành lập bộ phận quản lý theo dõi các điều kiện về ATGT sau 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.	4.000.000	ĐVVT thành lập bộ phận quản lý theo dõi các điều kiện về ATGT sau 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.	5.000.000	ĐVVT thành lập bộ phận quản lý theo dõi các điều kiện về ATGT sau 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành. Trung tâm xem xét chấm dứt hợp đồng thầu với đơn vị vận tải.
6	Đơn vị vận tải không đăng ký chất lượng dịch vụ với cơ quan quản lý tuyển theo quy định; Không niêm yết công khai chất lượng dịch vụ và không thực hiện đầy đủ các nội dung chất lượng dịch vụ đã đăng ký theo đúng quy định.	Bên A xem xét không ký kết Hợp đồng cung ứng với Bên B					
7	Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe không có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị kinh doanh vận tải theo mẫu của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hoặc Lái xe, nhân viên phục vụ không được đơn vị kinh doanh vận tải đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế theo quy định.	4.000.000	ĐVVT khắc phục lỗi vi phạm, gửi về Trung tâm (bằng văn bản) 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành	4.000.000	ĐVVT đình chỉ cá nhân không đủ điều kiện theo thông báo của Bên A, ĐVVT bố trí người khác đủ điều kiện để thay thế.	4.000.000	Bên A xem xét chấm dứt hợp đồng với Bên B.

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
8	Không tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ và các quy định của pháp luật đối với hoạt động vận tải của lái xe, tiếp viên theo quy định.	500.000 * số người không được tập huấn	Yêu cầu các đơn vị vận tải phải nhanh chóng chấn chỉnh, khắc phục lỗi vi phạm.	1.000.000 * số người không được tập huấn	Đình chỉ hoạt động cá nhân vi phạm	2.000.000 * số người không được tập huấn	Đình chỉ hoạt động cá nhân vi phạm.
9	Không tổ chức và duy trì hoạt động của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông để thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định.	3.000.000	ĐVVT phải tổ chức ngay bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về ATGT trong thời gian 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.	4.000.000	ĐVVT phải tổ chức ngay bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về ATGT trong thời gian 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.	5.000.000	Bên A chấm dứt hợp đồng với Bên B.
10	Không thực hiện chế độ báo cáo thống kê và lưu trữ theo quy định	1.000.000	Yêu cầu các đơn vị vận tải phải nhanh chóng chấn chỉnh, khắc phục lỗi vi phạm.	2.000.000	Yêu cầu các đơn vị vận tải phải nhanh chóng chấn chỉnh, khắc phục lỗi vi phạm.	3.000.000	Bên A xem xét chấm dứt hợp đồng với Bên B.
11	Không thực hiện việc cung cấp, cập nhật, lưu trữ, quản lý các thông tin từ thiết bị giám sát hành trình và camera theo quy định	5.000.000	ĐVVT khắc phục và cung cấp ngay các thông tin từ thiết bị giám sát hành trình và camera theo yêu cầu của Bên A.	5.000.000	ĐVVT khắc phục và cung cấp ngay các thông tin từ thiết bị giám sát hành trình và camera theo yêu cầu của Bên A.	5.000.000	ĐVVT khắc phục và cung cấp ngay các thông tin từ thiết bị giám sát hành trình và camera theo yêu cầu của Bên A.
12	Đơn vị vận tải không thực hiện đúng quy trình trả lời, giải quyết phản ánh cho hành khách.	200.000 * trường hợp	ĐVVT trả lời sau 07 ngày làm việc kể từ ngày trung tâm ban	200.000 * trường hợp	ĐVVT trả lời sau 07 ngày làm việc kể từ ngày trung tâm ban hành văn bản.	200.000 * trường hợp	ĐVVT trả lời sau 07 ngày làm việc kể từ ngày trung tâm chuyển văn bản.

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
			hành văn bản.				
13	Đơn vị vận tải không trả lời văn bản do Trung tâm chuyển đến (nếu có yêu cầu trả lời) theo đúng thời gian quy định trong văn bản.	200.000 * trường hợp	ĐVVТ trả lời sau 07 ngày làm việc kể từ ngày trung tâm ban hành văn bản.	200.000 * trường hợp	ĐVVТ trả lời sau 07 ngày làm việc kể từ ngày trung tâm ban hành văn bản.	200.000 * trường hợp	ĐVVТ trả lời sau 07 ngày làm việc kể từ ngày trung tâm chuyển văn bản.
14	Đơn vị vận tải không bố trí thiết bị, công cụ và nhân viên để trợ giúp hành khách là người khuyết tật lên, xuống phương tiện giao thông thuận tiện hoặc phương án trợ giúp không được thông báo tại các nhà ga, bến đón, trả hành khách ở những nơi dễ thấy.	200.000	Yêu cầu các ĐVVТ phải nhanh chóng chấn chỉnh, khắc phục lỗi vi phạm theo thông báo của Bên A.	500.000	Yêu cầu các ĐVVТ phải nhanh chóng chấn chỉnh, khắc phục lỗi vi phạm theo thông báo của Bên A.	1.000.000	Đình chỉ phương tiện hoạt động cho đến khi ĐVVТ khắc phục xong vi phạm.
15	Đơn vị vận tải không đầu tư phương tiện đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về giao thông tiếp cận theo đúng lộ trình quy định do Sở Giao thông vận tải hướng dẫn và quy định; Không thực hiện việc rà soát, thống kê đánh giá thực trạng xe buýt chưa bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về giao thông tiếp cận, xây dựng kế hoạch trang bị, cải tạo phương tiện giao thông công cộng đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về giao thông tiếp cận thuộc trách nhiệm quản lý của đơn vị vận tải						
15.1	Đơn vị vận tải không đầu tư phương tiện đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về giao thông tiếp cận theo đúng lộ trình quy định do Sở Giao thông vận tải hướng	5.000.000	ĐVVТ xây dựng kế hoạch sau 10 ngày kể từ ngày Trung tâm phát hành văn bản.	6.000.000	ĐVVТ xây dựng kế hoạch sau 10 ngày kể từ ngày Trung tâm phát hành văn bản.	7.000.000	ĐVVТ xây dựng kế hoạch sau 10 ngày kể từ ngày Trung tâm phát hành văn bản đôn đốc lần 3. Sau thời

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
	dẫn và quy định.						gian này ĐVVT không đầu tư phương tiện Trung tâm sẽ chấm dứt hợp đồng thầu.
15.2	Đơn vị vận tải không thực hiện việc rà soát, thống kê đánh giá thực trạng xe buýt chưa bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về giao thông tiếp cận.	1.000.000	ĐVVT rà soát, thống kê báo cáo kết quả về Trung tâm sau 10 ngày làm việc kể từ ngày trung tâm phát hành văn bản.	2.000.000	ĐVVT rà soát, thống kê báo cáo kết quả về Trung tâm sau 10 ngày làm việc kể từ ngày trung tâm phát hành văn bản.	3.000.000	ĐVVT rà soát, thống kê báo cáo kết quả về Trung tâm sau 10 ngày làm việc kể từ ngày trung tâm phát hành văn bản.
15.3	Đơn vị vận tải không xây dựng kế hoạch trang bị, cải tạo phương tiện giao thông công cộng đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về giao thông tiếp cận.	2.000.000	ĐVVT phải xây dựng kế hoạch sau 10 ngày làm việc kể từ ngày trung tâm phát hành văn bản.	3.000.000	ĐVVT phải xây dựng kế hoạch sau 10 ngày làm việc kể từ ngày trung tâm phát hành văn bản.	4.000.000	ĐVVT phải xây dựng kế hoạch sau 10 ngày làm việc kể từ ngày trung tâm phát hành văn bản đôn đốc lần 3. Sau thời gian này ĐVVT không có kế hoạch Trung tâm sẽ chấm dứt hợp đồng đầu thầu.
15.4	Đơn vị vận tải bố trí phương tiện, lái xe, nhân viên phục vụ trên xe đang trong thời gian bị tạm ngưng công tác, đình chỉ hoặc Bên A có yêu cầu không được bố trí hoạt động VTHKCC trên địa bàn thành phố HCM vào hoạt động trên tuyến	1.000.000	ĐVVT phải thay thế phương tiện, lái xe, nhân viên phục vụ trên xe khác đảm bảo hoạt động trên tuyến	2.000.000	ĐVVT phải thay thế phương tiện, lái xe, nhân viên phục vụ trên xe khác đảm bảo hoạt động trên tuyến	4.000.000	ĐVVT phải thay thế phương tiện, lái xe, nhân viên phục vụ trên xe khác đảm bảo hoạt động trên tuyến
15.5	Đơn vị vận tải bố trí phương tiện, lái xe, nhân viên phục vụ trên xe và nhân viên điều hành hoạt động nhưng chưa thông báo về Trung tâm.	1.000.000	ĐVVT phải thông báo danh sách phương tiện, lái xe, nhân viên phục vụ trên xe và nhân viên	2.000.000	ĐVVT phải thông báo danh sách phương tiện, lái xe, nhân viên phục vụ trên xe và nhân viên điều hành về	4.000.000	ĐVVT phải thông báo danh sách phương tiện, lái xe, nhân viên phục vụ trên xe và nhân viên điều hành về

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
			điều hành về Trung tâm.		Trung tâm		Trung tâm
16	Tự ý ngưng hoạt động tuyến khi chưa được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền	15.000.000	Khắc phục ngay	30.000.000	Báo cáo Sở Giao thông vận tải đình chỉ khai thác tuyến	45.000.000	Báo cáo Sở Giao thông vận tải đình chỉ khai thác tuyến
II	QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KIỆN TIÊU CHUẨN XE BUÝT.						
1	Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt phải có sức chứa từ 08 chỗ trở lên (không kể chỗ của người lái xe) và có niên hạn sử dụng không quá 20 năm.		Không cho hoạt động		Không cho hoạt động		Không cho hoạt động
2	Xe buýt không đáp ứng đầy đủ các quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô khách thành phố; số lượng và cách bố trí ghế ngồi, chỗ đứng trong xe không đảm bảo đúng theo thiết kế của xe.						
2.1	Xe buýt không đáp ứng đầy đủ các quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô khách thành phố.	1.000.000	Đề nghị khắc phục	1.000.000	Đình chỉ phương tiện hoạt động sau khi lập BB. ĐVVT bố trí xe khác đúng theo quy chuẩn để thay thế.	1.000.000	Đình chỉ phương tiện hoạt động sau khi lập BB. ĐVVT bố trí xe khác đúng theo quy chuẩn để thay thế. Xem xét xử lý vi phạm hợp đồng thầu hoặc chấm dứt hợp đồng thầu..
2.2	Cách bố trí ghế ngồi trên xe buýt không đảm bảo đúng theo thiết kế của xe.						

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
2.3	Xe buýt không đáp ứng chỗ đứng trong xe đảm bảo đúng theo thiết kế của xe.						
3	Trên xe không có chuông điện báo hiệu lên xuống hoặc có nhưng không sử dụng được; không có đủ tay vịn cho hành khách (theo thiết kế).	200.000	Tiếp tục hoạt động và khắc phục vi phạm theo thời gian quy định	200.000	Tiếp tục hoạt động và khắc phục vi phạm theo thời gian quy định	300.000	Tiếp tục hoạt động và khắc phục vi phạm theo thời gian quy định
4	Phương tiện hoạt động xe buýt không được đăng kiểm định kỳ và còn thời hạn.	2.000.000	Đình chỉ phương tiện, yêu cầu khắc phục	3.000.000	Đình chỉ phương tiện, yêu cầu khắc phục	4.000.000	Đình chỉ phương tiện, yêu cầu khắc phục
5	Đối với xe từ 17 ghế trở lên không dành riêng hai hàng ghế đầu, ghi chữ “Ghế ưu tiên” hoặc ký hiệu và không có màu riêng, để ưu tiên cho người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em, phụ nữ có thai sử dụng.	200.000	Tiếp tục hoạt động theo thời gian quy định	300.000	Tiếp tục hoạt động theo thời gian quy định	400.000	Đình chỉ phương tiện hoạt động để khắc phục lỗi vi phạm
6	Không thực hiện việc đăng ký màu sơn đặc trưng của xe buýt theo quy định; để bong tróc sơn xe và xả khói đen làm mất mỹ quan hình ảnh của xe buýt. Trường hợp, Sở Xây dựng quy định màu sơn riêng, đơn vị vận tải phải thực hiện theo màu sơn quy định.						
6.1	Không thực hiện việc đăng ký màu sơn đặc trưng của xe buýt theo quy định. Trường hợp, Sở Xây dựng quy định màu sơn riêng, đơn vị vận tải phải thực hiện	1.000.000	ĐVVT phải đăng ký và thực hiện màu sơn với Sở Giao thông vận tải sau 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn	2.000.000	ĐVVT phải đăng ký và thực hiện màu sơn với Sở Giao thông vận tải sau 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong	3.000.000	Đình chỉ phương tiện hoạt động cho đến khi khắc phục lỗi vi phạm

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
	theo màu sơn quy định.		bản do Bên A ban hành		văn bản do Bên A ban hành		
6.2	Đề bong tróc sơn xe làm mất mỹ quan hình ảnh của xe buýt.						
6.3	Xe buýt xả khói đen làm mất mỹ quan chung.	1.000.000	Đề nghị khắc phục	2.000.000	Yêu cầu khắc phục	3.000.000	Bên B đình chỉ phương tiện hoạt động 10 ngày theo thông báo bằng văn bản của Bên A. Bên A xem xét đề nghị cơ quan chức năng thu hồi phù hiệu của phương tiện, Phương tiện chỉ được hoạt động trở lại khi hết thời gian đình chỉ và đã khắc phục xong vi phạm.
7	Thông tin bên trong và ngoài xe không thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định về thể hiện thông tin trên xe buýt. Đối với các tuyến xe buýt có hỗ trợ không thể hiện thông tin cơ bản bằng đèn Led, với lộ trình triển khai thực hiện theo hướng dẫn của Trung tâm.						
7.1	Thông tin bên trong xe không thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định về thể hiện thông tin trên xe buýt.						
7.2	Thông tin bên ngoài xe không thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định về thể hiện thông tin trên xe buýt.	200.000		400.000		600.000	
7.3	Đối với các tuyến xe buýt có hỗ trợ không thể hiện thông tin cơ bản bằng						ĐVVT đình chỉ hoạt động phương tiện đến khi khắc phục xong

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
	đèn Led, với lộ trình triển khai thực hiện theo hướng dẫn của Trung tâm.						
8	Không trang bị bình chữa cháy hoặc có trang bị nhưng hết thời hạn sử dụng (<i>hạn sử dụng ghi trên bình hoặc kim áp suất về vạch đỏ hoặc 0</i>) (<i>lưu ý: tem kiểm định phải được thể hiện bằng ngôn ngữ Việt Nam</i>); Không trang bị tủ/túi vật dụng sơ cứu hoặc có trang bị tủ/túi vật dụng sơ cứu nhưng không bố trí các vật dụng: bông gòn, băng gạc, thuốc sát trùng...còn hạn sử dụng trên xe theo quy định; dụng cụ thoát hiểm trên xe theo quy định hoặc có thực hiện nhưng không sử dụng được.						
8.1	Không trang bị bình chữa cháy hoặc có trang bị nhưng hết thời hạn sử dụng (<i>hạn sử dụng ghi trên bình hoặc kim áp suất về vạch đỏ hoặc 0</i>) (<i>lưu ý: tem kiểm định phải được thể hiện bằng ngôn ngữ Việt Nam</i>).	300.000	Đề nghị trang bị Bình chữa cháy hoặc nạp bình chữa cháy hết hạn sau 05 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành	400.000	Đình chỉ phương tiện hoạt động cho đến khi trang bị đầy đủ theo quy định	500.000	Đình chỉ phương tiện hoạt động cho đến khi trang bị đầy đủ theo quy định
8.2	Không gắn tủ vật dụng sơ cứu (bông gòn, băng gạc, thuốc sát trùng...) trên xe theo quy định hoặc có trang bị nhưng thuốc hết hạn sử dụng hoặc dụng cụ không sử dụng được.	200.000	Phải gắn tủ thuốc trên xe sau 05 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành	300.000	Phải gắn tủ thuốc trên xe sau 05 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành	400.000	Đình chỉ phương tiện hoạt động cho đến khi trang bị đầy đủ theo quy định

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
8.3	Không trang bị dụng cụ thoát hiểm trên xe theo quy định hoặc có trang bị nhưng không sử dụng được.		Phải trang bị dụng cụ thoát hiểm trên xe sau 05 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành		Đình chỉ phương tiện hoạt động cho đến khi trang bị đầy đủ theo quy định		Đình chỉ phương tiện hoạt động cho đến khi trang bị đầy đủ theo quy định
8.4	Có trang bị bình chữa cháy còn thời hạn sử dụng trên xe theo quy định nhưng không sử dụng được. (gồm: <i>mất chỉ niêm phong, vòi xịt hư hỏng, không có khóa chốt an toàn...</i>)	200.000	ĐVVТ phải trang bị mới hoặc sửa chữa lại trong thời gian 05 ngày theo thông báo của Bên A.	300.000	ĐVVТ phải trang bị mới hoặc sửa chữa lại trong thời gian 05 ngày theo thông báo của Bên A.	500.000	ĐVVТ đình chỉ hoạt động phương tiện 05 ngày theo thông báo bằng văn bản của Bên A.
9	Không trang bị thùng đựng rác trên xe theo quy định hoặc có trang bị nhưng không sử dụng được, hư, bể.	200.000	Tiếp tục hoạt động theo thời gian quy định	200.000	Tiếp tục hoạt động theo thời gian quy định	300.000	Đình chỉ phương tiện hoạt động cho đến khi khắc phục lỗi vi phạm
10	Xe buýt không còn niên hạn sử dụng theo quy định khoản 4 điều 13 của Nghị định 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.	3.000.000	Đình chỉ phương tiện hoạt động sau khi lập BB. ĐVVТ bố trí xe khác còn niên hạn để thay thế	4.000.000	Đình chỉ phương tiện hoạt động sau khi lập BB. ĐVVТ bố trí xe khác còn niên hạn để thay thế	5.000.000	Đình chỉ phương tiện hoạt động sau khi lập BB. ĐVVТ bố trí xe khác còn niên hạn để thay thế
11	Xe buýt khi tham gia hoạt động không lắp đặt thiết bị giám sát hành trình và camera theo quy định. Đối với các tuyến xe buýt có hỗ trợ không trang bị thêm hệ thống kiểm soát phụ thiết bị thông báo trạm tự động hoặc có trang bị nhưng không hoạt động và các tiện ích khác do Trung tâm hướng dẫn.						

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
11.1	Xe buýt khi tham gia hoạt động không lắp đặt thiết bị giám sát hành trình quy định	6.000.000	ĐVVТ cung cấp quản lý và sử dụng dữ liệu thiết bị giám sát hành trình sau 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành	6.000.000	ĐVVТ cung cấp quản lý và sử dụng dữ liệu thiết bị giám sát hành trình sau 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành	6.000.000	ĐVVТ cung cấp quản lý và sử dụng dữ liệu thiết bị giám sát hành trình sau 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành. Đình chỉ phương tiện hoạt động cho đến khi ĐVVТ khắc phục xong.
11.2	Xe buýt không trang bị camera; Có trang bị nhưng không đủ số lượng camera; thực hiện điều chỉnh góc nhìn camera hoặc để các vật cản làm ảnh hưởng đến tầm nhìn của camera, không quan sát được hành khách và nhân viên theo quy định.	500.000 * số Phương tiện	ĐVVТ đình chỉ ngay phương tiện vi phạm sau khi xe về bến theo thông báo của Bên A và bố trí phương tiện khác để thay thế.	1.000.000 * số Phương tiện	ĐVVТ đình chỉ ngay phương tiện vi phạm sau khi xe về bến theo thông báo của Bên A và bố trí phương tiện khác để thay thế.	2.000.000 * số Phương tiện	ĐVVТ đình chỉ ngay phương tiện vi phạm sau khi xe về bến theo thông báo của Bên A và bố trí phương tiện khác để thay thế. Bên A xem xét xử lý vi phạm hợp đồng thầu hoặc chấm dứt hợp đồng thầu.
11.3	Xe buýt không trang bị thiết bị thông báo trạm tự động hoặc có trang bị nhưng không hoạt động và các tiện ích khác do Trung tâm hướng dẫn.	500.000 * số Phương tiện	Đề nghị khắc phục.	1.000.000 * số Phương tiện	Yêu cầu khắc phục.	2.000.000 * số Phương tiện	ĐVVТ đình chỉ ngay phương tiện vi phạm sau khi xe về bến theo thông báo của Bên A và bố trí phương tiện khác để thay thế. Bên A xem xét xử lý vi phạm hợp đồng thầu hoặc chấm dứt hợp đồng thầu.
12	Xe buýt không lắp đặt máy bán vé tự động gắn cố định hoặc có trang bị nhưng không hoạt động hoặc không	200.000 * số phương tiện	ĐVVТ phải trang bị hoặc sửa chữa lại trong thời gian theo thông	300.000 * số phương tiện	ĐVVТ phải trang bị hoặc sửa chữa lại trong thời gian theo thông báo của Bên A.	500.000 * số phương tiện	Đình chỉ phương tiện hoạt động cho đến khi khắc phục lỗi vi phạm

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
	đảm bảo tiêu chuẩn theo yêu cầu tại E-HSMT hay hướng dẫn của Trung tâm.		báo của Bên A.				
13	Phù hiệu xe buýt hết hạn, hoặc hư hỏng, hoặc không có phù hiệu xe buýt.	3.000.000	ĐVVT đình chỉ ngay phương tiện vi phạm sau khi xe về bến theo thông báo của Bên A và bố trí phương tiện khác để thay thế.	4.000.000	ĐVVT đình chỉ ngay phương tiện vi phạm sau khi xe về bến theo thông báo của Bên A và bố trí phương tiện khác để thay thế.	5.000.000	ĐVVT đình chỉ ngay phương tiện vi phạm sau khi xe về bến theo thông báo của Bên A và bố trí phương tiện khác để thay thế.
III	QUY ĐỊNH KHI THAM GIA HOẠT ĐỘNG TRÊN TUYẾN XE BUÝT						
1	Xe buýt hoạt động trước 6 giờ sáng và sau 18 giờ tối không đảm bảo hộp đèn báo số hiệu tuyến luôn sáng.	500.000	Tiếp tục hoạt động và khắc phục vi phạm theo thời gian quy định.	600.000	Tiếp tục hoạt động và khắc phục vi phạm theo thời gian quy định.	700.000	Tiếp tục hoạt động và khắc phục vi phạm theo thời gian quy định.
2	Không bố trí đúng, đủ số lượng xe theo chủng loại xe như trong quyết định mở tuyến, các quyết định điều chỉnh tuyến của Sở Xây dựng, Trung tâm. Trường hợp bố trí phương tiện có sức chứa khác so với quyết định mở tuyến, các quyết định điều chỉnh tuyến của Sở Xây dựng, Trung tâm nhưng không được sự chấp thuận của Trung tâm. Khi đưa xe vào hoạt động trên tuyến phải đảm bảo đủ nhiên liệu để xe hoạt động trong ngày và không được dừng tiếp nhiên liệu khi đang có khách trên xe. Không được lấy nhiên liệu từ bình chứa nhiên liệu của xe						

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
	ra dưới bất cứ hình thức nào.						
2.1	Bố trí phương tiện có sức chứa khác so với quyết định mở tuyến, các quyết định điều chỉnh tuyến của Sở, Trung tâm nhưng không được sự chấp thuận của Trung tâm.	400.000	Đề nghị bố trí đúng, đủ lượng xe theo quy định. Không công nhận chuyển đổi với xe không đúng chủng loại đã hoạt động.	500.000	Đề nghị bố trí đúng, đủ lượng xe theo quy định. Không công nhận chuyển đổi với xe không đúng chủng loại đã hoạt động.	600.000	Đề nghị bố trí đúng, đủ lượng xe theo quy định. Không công nhận chuyển đổi với xe không đúng chủng loại đã hoạt động. Xem xét chấm dứt hợp đồng thầu.
2.2	Phương tiện dùng tiếp nhiên liệu khi đang vận doanh.	400.000		500.000	Đình chỉ cá nhân vi phạm 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.	600.000	Đình chỉ cá nhân vi phạm 30 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành. Đề nghị học lại lớp nghiệp vụ xe buýt.
2.3	Phương tiện lấy nhiên liệu từ bình chứa nhiên liệu của xe ra ngoài.	400.000	Khắc phục ngay hành vi vi phạm.	500.000	Đình chỉ cá nhân vi phạm 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.	600.000	Đình chỉ cá nhân vi phạm 30 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành. Đề nghị học lại lớp nghiệp vụ xe buýt.
3	Lái xe không có giấy phép lái xe phù hợp với loại xe đang điều khiển theo quy định của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, Quyết định 20/2014/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; Lái xe không đáp ứng tiêu chuẩn						

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
	về sức khoẻ theo quy định.						
3.1	Lái xe không có giấy phép lái xe phù hợp với loại xe đang điều khiển theo quy định của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, Quyết định 20/2014/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	2.000.000	ĐVVT đình chỉ lái xe vi phạm ngay sau khi bị lập Biên bản vi phạm hợp đồng hoặc theo thông báo của Bên A, ĐVVT điều lái xe khác đủ điều kiện để tiếp tục vận hành. Đình chỉ 24 tháng kể từ ngày có văn bản của Bên A	3.000.000	ĐVVT đình chỉ lái xe vi phạm ngay sau khi bị lập Biên bản vi phạm hợp đồng hoặc theo thông báo của Bên A, ĐVVT điều lái xe khác đủ điều kiện để tiếp tục vận hành. Đình chỉ vĩnh viễn.		
3.2	Lái xe không đáp ứng tiêu chuẩn về sức khoẻ theo quy định	400.000	Tiếp tục hoạt động theo thời gian quy định.	1.000.000	Tiếp tục hoạt động theo thời gian quy định.	2.000.000	Tiếp tục hoạt động theo thời gian quy định
4	Nhân viên phục vụ không đáp ứng tiêu chuẩn về sức khoẻ quy định tại Quyết định 20/2014/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	400.000	Tiếp tục hoạt động theo thời gian quy định	500.000	Tiếp tục hoạt động theo thời gian quy định.	600.000	Tiếp tục hoạt động theo thời gian quy định.
5	- Lái xe không mang theo giấy phép lái xe theo quy định. Sau khi lái xe hoặc Bên B cung cấp GPLX của người vi phạm cho Bên A kiểm tra và đạt yêu cầu.	200.000	Đề nghị cung cấp các Giấy liên quan sau khi xe về bến mới được tiếp tục hoạt động.	300.000	Đề nghị cung cấp các Giấy tờ liên quan sau khi xe về bến mới được tiếp tục hoạt động.	400.000	Đề nghị cung cấp các Giấy liên quan sau khi xe về bến mới được tiếp tục hoạt động. Đề nghị đi học lại lớp nghiệp vụ đối với cá

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
	- Trường hợp lái xe hoặc Bên B không cung cấp GPLX hợp lệ, đủ điều kiện điều khiển chủng loại phương tiện theo quy định cho Bên A kiểm tra thì Bên A áp dụng xử phạt Bên B theo quy định tại Mục 3.1 Phần III của Phụ lục này.						nhân vi phạm.
6	Lái xe, nhân viên phục vụ phải được tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	200.000		200.000		400.000	
7	Lái xe, nhân viên phục vụ phải đeo bảng tên hoặc mặc đồng phục theo đúng mẫu đơn vị đã đăng ký khi tham gia hoạt động khai thác tuyến xe buýt.						
7.1	Lái xe, nhân viên phục vụ không đeo bảng tên đã đăng ký khi tham gia hoạt động khai thác tuyến xe buýt.	200.000	Tiếp tục hoạt động trong thời gian quy định	300.000	Đề nghị khắc phục vi phạm sau khi xe về bến	400.000	Đình chỉ cá nhân vi phạm 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành để đi học lại lớp nghiệp vụ. ĐVVVTT bố trí người khác thay thế
7.2	Lái xe, nhân viên phục vụ mặc đồng phục không theo đúng mẫu đơn vị đã đăng ký khi tham gia hoạt động khai thác tuyến xe buýt.	200.000	Đề nghị khắc phục sau khi xe về bến mới được tiếp tục hoạt động.	300.000	Đề nghị khắc phục sau khi xe về bến mới được tiếp tục hoạt động.	400.000	Đình chỉ cá nhân vi phạm 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành để đi học lại lớp nghiệp vụ. ĐVVVTT bố trí người khác thay thế
8	Lái xe, nhân viên phục vụ phải đảm bảo ghi chép đúng, đầy đủ, kịp thời các	200.000	Tiếp tục hoạt động theo thời gian quy định	300.000	Tiếp tục hoạt động theo thời gian quy định	400.000	Đình chỉ lái xe, nhân viên phục vụ và đi học lại lớp

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
	thông tin, ký tên xác nhận ghi rõ họ tên vào lệnh vận chuyển theo quy định.						nghịệp vụ
9	ĐVVVT, lái xe, nhân viên phục vụ không chấp hành nội quy, quy định hoặc hướng dẫn của nhân viên bảo vệ, nhân viên giám sát tại các bến, bãi xe buýt do Trung tâm quản lý hoặc không thực hiện công tác báo cáo, điều tra khảo sát, thống kê đảm bảo chính xác, rõ ràng đúng thời gian theo quy định.						
9.1	ĐVVVT, lái xe, nhân viên phục vụ không chấp hành nội quy, quy định tại các bến, bãi xe buýt do Trung tâm quản lý.						
9.2	ĐVVVT, lái xe, nhân viên phục vụ không chấp hành sự hướng dẫn của nhân viên bảo vệ, nhân viên giám sát tại các vị trí đầu cuối tuyến; các bến, bãi do Trung tâm quản lý.	500.000	Tiếp tục hoạt động theo thời gian quy định	600.000	Tiếp tục hoạt động theo thời gian quy định	700.000	Đình chỉ công tác để đi học lại lớp nghiệp vụ đối với lái xe, nhân viên phục vụ.
9.3	Đơn vị, lái xe, nhân viên phục vụ không thực hiện công tác báo cáo, điều tra khảo sát, thống kê đảm bảo chính xác, rõ ràng đúng thời gian theo quy định.						
10	Xe hoạt động vận chuyển khách không bố trí nhân viên phục vụ trên xe theo quy định lệnh vận chuyển. Ngoại trừ các tuyến xe buýt áp dụng hình thức bán vé bán tự động và tự động. Lái xe hoặc						

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
	nhân viên phục vụ không đúng tên trong Lệnh vận chuyển.						
10.1	Xe hoạt động vận chuyển khách không bố trí nhân viên phục vụ trên xe theo quy định.		Đình chỉ 24 tháng kể từ ngày có văn bản của Bên A		Đình chỉ vĩnh viễn		
10.2	Lái xe hoặc nhân viên phục vụ không đúng tên trong lệnh vận chuyển. <i>- Trường hợp lái xe hoặc Bên B không cung cấp giấy phép lái xe hợp lệ, đủ điều kiện điều khiển chủng loại phương tiện theo quy định cho Bên A kiểm tra thì Bên A áp dụng xử phạt Bên B theo quy định tại Mục 3.1 Phần III của Phụ lục này.</i>	300.000	Điều chỉnh đúng tên thực tế theo quy định.	400.000	Điều chỉnh đúng tên thực tế theo quy định.		Đình chỉ cá nhân không đúng tên, không công nhận số chuyến đã hoạt động.
11	Xe không có trong danh sách phương tiện hoạt động trên tuyến do Trung tâm thông báo nhưng hoạt động trên tuyến. Trong trường hợp đột xuất, đơn vị vận tải được thay thế, tăng cường xe cùng chủng loại xe trên tuyến dự kiến thay thế, nhưng phải đảm bảo xe thay thế, tăng cường đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu của ngành theo quy định và phải thông báo cho bộ phận điều hành của Trung tâm thống nhất trước khi đưa xe vào tham gia hoạt động trên tuyến. Xe thay thế, tăng cường tham gia hoạt động xe buýt phải có bảng “XE TĂNG						

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
	CUÔNG”.						
11.1	Xe không có trong danh sách phương tiện hoạt động trên tuyến do Trung tâm thông báo nhưng hoạt động trên tuyến. Trong trường hợp đột xuất, đơn vị vận tải được thay thế, tăng cường xe cùng chủng loại xe trên tuyến dự kiến thay thế, nhưng phải đảm bảo xe thay thế, tăng cường đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu của ngành theo quy định và phải thông báo cho bộ phận điều hành của Trung tâm thống nhất trước khi đưa xe vào tham gia hoạt động trên tuyến.	300.000	Đình chỉ phương tiện hoạt động	400.000	Đình chỉ phương tiện hoạt động	500.000	Đình chỉ phương tiện hoạt động
11.2	Xe thay thế, tăng cường tham gia hoạt động xe buýt không có bảng “XE TĂNG CƯỜNG”.	300.000	Xe tiếp tục hoạt động về đầu bến. Yêu cầu ĐVVT khắc phục ngay vi phạm mới tiếp tục hoạt động.	400.000	Xe tiếp tục hoạt động về đầu bến. Yêu cầu ĐVVT khắc phục ngay vi phạm mới tiếp tục hoạt động.	500.000	Xe tiếp tục hoạt động về đầu bến. Yêu cầu ĐVVT khắc phục ngay vi phạm mới tiếp tục hoạt động.
12	Không bố trí nhân viên thực hiện công tác điều hành tại các vị trí đầu - cuối tuyến và không ghi nhận tình hình hoạt động của tuyến theo quy định, khi trực không đúng giờ quy định, đi trễ không có lý do chính đáng, vắng mặt không bố trí người khác thay thế. Ngoại trừ, trường hợp tất cả các xe trên tuyến đã lắp đặt thiết bị giám sát hành trình hoàn chỉnh theo quy định và được cơ quan có thẩm quyền thống nhất không bố trí						

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
	nhân viên điều hành đầu cuối tuyến.						
12.1	Không bố trí nhân viên thực hiện công tác điều hành tại các vị trí đầu - cuối tuyến. Ngoại trừ, trường hợp tất cả các xe trên tuyến đã lắp đặt thiết bị giám sát hành trình hoàn chỉnh theo quy định và được cơ quan có thẩm quyền thống nhất không bố trí nhân viên điều hành đầu cuối tuyến.	500.000	ĐVVT bố trí ngay nhân viên điều hành đầu cuối tuyến, không công nhận số chuyển nhân viên điều hành vắng mặt mà không có lý do chính đáng	600.000	ĐVVT bố trí ngay nhân viên điều hành đầu cuối tuyến, không công nhận số chuyển nhân viên điều hành vắng mặt mà không có lý do chính đáng	700.000	Yêu cầu ĐV đình chỉ hoạt động nhân viên vi phạm và đi học hai lớp nghiệp vụ xe buýt theo quy định.
12.2	Nhân viên điều hành đầu, cuối tuyến của đơn vị không ghi nhận tình hình hoạt động của tuyến theo quy định.	500.000		600.000	ĐVVT đình chỉ hoạt động cá nhân vi phạm 10 ngày kể từ ngày Bên A ban hành văn bản.	700.000	Đình chỉ hoạt động cá nhân vi phạm 30 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành. Đi học lại lớp nghiệp vụ xe buýt.
12.3	Nhân viên điều hành đầu, cuối tuyến của đơn vị khi trực không đúng giờ quy định, đi trễ không có lý do chính đáng.	500.000		600.000		700.000	-
13	Không bố trí nhân viên Điều hành trực tuyến làm việc tại phòng Điều hành trực tuyến của Trung tâm và không ghi nhận tình hình hoạt động của tuyến theo quy định, khi trực không đúng giờ quy định, đi trễ không có lý do chính đáng, vắng mặt không bố trí người khác thay thế.						
13.1	Đơn vị không bố trí nhân viên Điều hành trực tuyến làm việc tại phòng Điều hành trực tuyến Trung tâm	200.000 đồng/lần	Yêu cầu ĐVVT phải nhanh chóng chấn chỉnh, bố trí nhân sự	300.000 đồng/lần	Yêu cầu ĐVVT phải nhanh chóng chấn chỉnh, bố trí nhân sự	400.000 đồng/lần	Yêu cầu ĐVVT phải nhanh chóng chấn chỉnh, bố trí nhân sự

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
13.2	Nhân viên Điều hành trực tuyến của đơn vị không ghi nhận tình hình hoạt động của tuyến theo quy định.	100.000 đồng/lần		200.000 đồng/lần	ĐVVT đình chỉ hoạt động cá nhân vi phạm 10 ngày kể từ ngày Bên A ban hành văn bản.	300.000 đồng/lần	Đình chỉ hoạt động cá nhân vi phạm 30 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.
13.3	Nhân viên Điều hành trực tuyến của đơn vị khi trực không đúng giờ quy định, đi trễ không có lý do chính đáng.	100.000 đồng/lần		200.000 đồng/lần	ĐVVT đình chỉ hoạt động cá nhân vi phạm 10 ngày kể từ ngày Bên A ban hành văn bản.	300.000 đồng/lần	Đình chỉ hoạt động cá nhân vi phạm 30 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.
IV	QUY ĐỊNH VỀ ĐẢM BẢO AN TOÀN GIAO THÔNG						
1	Không đóng cửa lên xuống khi xe đang chạy hoặc để hở cửa xe lên xuống khi xe đang chạy; Đóng cửa xe khi chưa đảm bảo hành khách đã lên, xuống xe an toàn.	500.000		600.000	Đình chỉ hoạt động lái xe (trong ngày), ĐVVT điều lái xe khác ra thay thế.	700.000	Đình chỉ công tác để đi học lại lớp nghiệp vụ đối với lái xe hoặc không được tác nghiệp trên các tuyến xe buýt trong địa bàn thành phố Hồ Chí Minh khi vi phạm lần thứ 03 (vi phạm cùng một hành vi trong thời gian thực hiện Hợp đồng này)
2	Lạm dụng quyền ưu tiên lưu thông vào làn xe 2 - 3 bánh được quy định tại quyết định số 3653/QĐ-UBND ngày 25/7/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.	400.000	Tiếp tục hoạt động theo thời gian quy định	500.000	Tiếp tục hoạt động theo thời gian quy định	600.000	Tiếp tục hoạt động theo thời gian quy định.
3	Vượt ầu, chạy quá tốc độ cho phép, tranh giành khách. Việc xác định tốc độ						

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
	cho phép trên các tuyến đường căn cứ vào biển báo giao thông. Vượt tốc độ quy định từ 05 km/giờ trở lên thông qua thiết bị giám sát hành trình GPS. Lưu thông vào đường cấm; lưu thông trên vỉa hè, lề đường.						
3.1	Vượt ẩu	1.000.000	ĐVVT đình chỉ hoạt động lái xe vi phạm 05 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.	2.000.000	ĐVVT đình chỉ hoạt động lái xe vi phạm 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.	4.000.000	Không tiếp nhận hoạt động trên tất cả các tuyến xe buýt
3.2	Xử phạt đối với lỗi vi phạm tốc độ vượt quy định từ 05km/h trở lên thông qua thiết bị giám sát hành trình GPS. Tốc độ áp dụng dựa trên biển báo giao thông về tốc độ tối đa trên từng đoạn đường.	1.000.000	ĐVVT đình chỉ hoạt động lái xe vi phạm 05 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.	2.000.000	ĐVVT đình chỉ hoạt động lái xe vi phạm 10 ngày theo thông báo bằng văn bản của Bên A.	4.000.000	Không tiếp nhận hoạt động trên tất cả các tuyến xe buýt
3.3	Lưu thông ngược chiều; lưu thông vào đường cấm; lưu thông trên vỉa hè, lề đường	3.000.000	ĐVVT đình chỉ hoạt động lái xe vi phạm 15 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.	4.000.000	ĐVVT đình chỉ hoạt động lái xe vi phạm 30 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.	5.000.000	Không tiếp nhận hoạt động trên tất cả các tuyến xe buýt
3.4	Không chấp hành hiệu lệnh đèn tín hiệu giao thông (trừ trường hợp theo chỉ dẫn người điều khiển hoặc bất khả kháng); không chấp hành hiệu lệnh người điều khiển phương tiện giao thông	1.000.000	Đình chỉ 24 tháng kể từ ngày có văn bản của Bên A	2.000.000	Đình chỉ vĩnh viễn kể từ ngày có văn bản của Bên A		
3.5	Lái xe vi phạm nghiêm trọng về trật tự	1.000.000	Đình chỉ 24 tháng kể từ	2.000.000	Đình chỉ vĩnh viễn kể từ		

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
	an toàn giao thông gây bức xúc dư luận		ngày có văn bản của Bên A		ngày có văn bản của Bên A		
4	Vượt qua mặt xe khác đang hoạt động trên cùng một tuyến; Hoặc lưu thông, dừng, đậu, đón, trả khách hàng hai, hàng ba trên đường; Hoặc vỡ thùng xe, la hét làm ảnh hưởng đến người và phương tiện khác đang cùng tham gia giao thông.	1.000.000	Tiếp tục hoạt động theo thời gian quy định	2.000.000	ĐVVT đình chỉ hoạt động lái xe vi phạm 05 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.	3.000.000	ĐVVT đình chỉ hoạt động lái xe vi phạm 10 ngày kể từ ngày ban hành văn bản của Trung tâm và đi học lại lớp nghiệp vụ đối với lái xe, nhân viên phục vụ vi phạm.
5	Lái xe tự ý giao xe cho người khác có giấy phép lái xe phù hợp với loại xe điều khiển nhưng chưa đăng ký danh sách với Trung tâm khi đang làm nhiệm vụ. Trong trường hợp đột xuất, khi giao xe cho người khác thay thế phải đủ điều kiện điều khiển phương tiện theo quy định, phải báo về điều hành của đơn vị vận tải và ghi vào lệnh vận chuyển ngay chuyển đó.	1.000.000	Đình chỉ hoạt động lái xe 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành. Không cho hoạt động trên các tuyến khác do đơn vị quản lý, ĐVVT điều ngay lái xe khác ra thay thế.	2.000.000	ĐVVT đình chỉ hoạt động lái xe 30 ngày kể từ ngày vi phạm, không cho hoạt động trên các tuyến khác do đơn vị quản lý. ĐVVT điều ngay lái xe khác ra thay thế.	3.000.000	Không tiếp nhận hoạt động trên tất cả các tuyến xe buýt
6	Nhân viên ĐVVT sử dụng rượu bia hoặc vi phạm trong máu, hơi thở có nồng độ cồn vượt quá theo quy định; sử dụng các chất kích thích khi đang làm nhiệm vụ trên tuyến.	1.000.000	Đình chỉ hoạt động lái xe ngay khi lập biên bản. ĐVVT điều ngay lái xe khác ra thay thế.	2.000.000	Đình chỉ hoạt động lái xe ngay khi lập biên bản. ĐVVT điều ngay lái xe khác ra thay thế.	3.000.000	Không tiếp nhận hoạt động trên tất cả các tuyến xe buýt
7	Đón, trả khách không đúng điểm dừng, nhà chờ quy định; Đón, trả khách trên tuyến không đúng điểm dừng, nhà chờ theo yêu cầu của hành khách; Dừng,						

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
	<p>đậu, đón, trả khách không đúng vị trí theo quy định (trừ trường hợp gặp sự cố không thể tiếp tục vận chuyển hành khách được).</p> <p>Tại các Trạm Điều hành xe buýt, điểm đầu cuối tuyến: dừng, đậu, đón, trả khách không đúng vị trí, không đúng thời gian theo quy định.</p> <p>Đón, trả khách khi xe chưa dừng hẳn. Không đảm bảo hành khách đã lên hoặc xuống xe ổn định đã cho xe vận hành.</p>						
7.1	Đón, trả khách không đúng điểm dừng, nhà chờ quy định hoặc dừng, đậu, đón, trả khách không đúng vị trí điểm dừng, nhà chờ theo quy định (trừ trường hợp gặp sự cố không thể tiếp tục vận chuyển hành khách được, điểm dừng, nhà chờ bị chiếm dụng và các thông báo bằng văn bản của Trung tâm cho phép).	500.000		1.000.000	Đình chỉ hoạt động lái xe 05 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành. ĐVVVT điều hành lái xe khác ra thay thế	2.000.000	Đình chỉ hoạt động lái xe 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành. ĐVVVT điều hành lái xe khác ra thay thế
7.2	Tại các bến, bãi xe buýt; Trạm Điều hành xe buýt, điểm đầu cuối tuyến: dừng, đậu, đón, trả khách không đúng vị trí theo quy định.	500.000		1.000.000	Đình chỉ hoạt động lái xe 05 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành. ĐVVVT điều hành lái xe khác ra thay thế	2.000.000	Đình chỉ hoạt động lái xe 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành. ĐVVVT điều hành lái xe khác ra thay thế
7.3	Đón, trả khách khi xe chưa dừng hẳn. Không đảm bảo hành khách đã lên hoặc xuống xe ổn định đã cho xe vận hành	500.000		1.000.000	Đình chỉ hoạt động lái xe 30 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban	2.000.000	Đình chỉ hoạt động lái xe 90 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
	hoặc Đón, trả khách trên tuyến không đúng điểm dừng, nhà chờ theo yêu cầu của hành khách.				hành. ĐVVT điều hành lái xe khác ra thay thế		ban hành. ĐVVT điều hành lái xe khác ra thay thế
8	Khi vào trạm đón, trả khách không mở đèn tín hiệu và cho xe ra - vào trạm đột ngột làm ảnh hưởng đến hoạt động của các phương tiện khác đang cùng tham gia giao thông. Dừng xe đón, trả khách tại trạm không đúng thời gian quy định. Khi đón, trả khách không cho xe dừng, đỗ sát theo lề đường, hè phố phía bên phải theo chiều đi của mình; bánh xe gần nhất cách xa lề đường, hè phố quá 0,25 mét và gây cản trở, nguy hiểm cho giao thông.						
8.1	Khi ra vào trạm đón, trả khách không mở đèn tín hiệu hoặc Điều khiển xe ra - vào trạm đột ngột làm ảnh hưởng đến hoạt động của các phương tiện khác đang cùng tham gia giao thông						
8.2	Khi đón, trả khách không cho xe dừng, đỗ sát theo lề đường, hè phố phía bên phải theo chiều đi của mình, bánh xe gần nhất cách xa lề đường, hè phố quá 0,25 mét và gây cản trở, nguy hiểm cho giao thông.	300.000	Tiếp tục hoạt động theo thời gian quy định	400.000	Tiếp tục hoạt động theo thời gian quy định	500.000	Đình chỉ công tác để đi tập huấn lại lớp nghiệp vụ đối với lái xe, nhân viên phục vụ.
8.3	Dừng xe đón, trả khách không đúng thời gian quy định (từ 2 đến 5 phút) Ngoại	200.000		400.000		800.000	Đình chỉ hoạt động lái xe 10 ngày kể từ ngày có hiệu

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
	trừ trường hợp tại trạm có người khuyết tật lên xe và Bên B chứng minh được bằng camera						lực trong văn bản do Bên A ban hành. ĐVVVT điều hành lái xe khác ra thay thế
	Dùng xe đón, trả khách không đúng thời gian quy định (trên 5 phút) Ngoài trừ trường hợp tại trạm có người khuyết tật lên xe và Bên B chứng minh được bằng camera	300.000		600.000	Đình chỉ hoạt động lái xe 05 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành. ĐVVVT điều hành lái xe khác ra thay thế	1.200.000	
9	Xe buýt không được kiểm tra bảo đảm an toàn kỹ thuật hàng ngày trước khi đưa vào hoạt động theo quy định. Ngoài ra, các trường hợp xe có thùng, sàn, sườn xe mục, ghế ngồi rách, trang bị số lượng ghế ngồi không đúng quy định; cửa xe lên, xuống không sử dụng được; kính xe bị bể; gương chiếu hậu bị gãy, bể, cong, mất bụi lên xuống ở cửa xe đều không được hoạt động.						
9.1	Xe buýt không được kiểm tra bảo đảm an toàn kỹ thuật hàng ngày trước khi đưa vào hoạt động theo quy định.	600.000	Đình chỉ hoạt động phương tiện. ĐVVVT bố trí xe dự phòng thay thế.	800.000	Đình chỉ hoạt động phương tiện. ĐVVVT bố trí xe dự phòng thay thế.	1.000.000	Đình chỉ hoạt động phương tiện. ĐVVVT bố trí xe dự phòng thay thế.
9.2	Xe có thùng bị mục.						
9.3	Xe có sàn bị mục.						
9.4	Sườn xe bị mục.						

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
9.5	Cửa xe lên hoặc xuống không sử dụng được.						
9.6	Xe không có kính hoặc kính xe bị nứt hoặc bể; Kính chiếu hậu bị gãy, bể, cong.						
9.7	Mắt bục lên hoặc xuống ở cửa xe.						
9.8	Ghế bị gãy hoặc hư, hỏng gây nguy hiểm cho hành khách.						
9.9	Xe có ghế ngồi bị rách						
9.10	Xe trang bị số lượng ghế ngồi không đúng quy định.	500.000	Tiếp tục hoạt động và khắc phục vi phạm theo thời gian quy định.				
9.11	Ghế bị hư hỏng nhưng đảm bảo an toàn cho hành khách						
10	Lái xe giao xe cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện.	2.000.000	Đình chỉ 24 tháng kể từ ngày có văn bản của Bên A	3.000.000	Đình chỉ vĩnh viễn kể từ ngày có văn bản của Bên A		
11	Đơn vị vận tải giao xe cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện	5.000.000					
V	QUY ĐỊNH VỀ CHẤT LƯỢNG PHỤC VỤ						
1	Lái xe, nhân viên phục vụ không chấp						

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
	hành nghiêm việc kiểm tra, kiểm soát của nhân viên kiểm tra, nhân viên điều hành đầu – cuối tuyến, nhân viên bảo vệ tại các bến, bãi do Trung tâm quản lý khi đang làm nhiệm vụ. Đưa tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác cho nhân viên kiểm tra, nhân viên điều hành đầu - cuối tuyến, nhân viên bảo vệ tại các bến, bãi hoặc bất kỳ tổ chức, cá nhân nào do Trung tâm quản lý khi đang làm nhiệm vụ để trốn tránh việc xử lý vi phạm. Bỏ hành khách, nhân viên kiểm tra khi hành khách và nhân viên kiểm tra đón đúng điểm dừng, nhà chờ.						
1.1	Lái xe, nhân viên phục vụ không chấp hành nghiêm việc kiểm tra, kiểm soát của nhân viên kiểm tra khi đang làm nhiệm vụ.	500.000	Đình chỉ hoạt động cá nhân vi phạm 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành. ĐVVVT điều ngay nhân viên khác ra thay thế	600.000	Đình chỉ hoạt động cá nhân vi phạm 30 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành, không hoạt động trên các tuyến khác do đơn vị quản lý. ĐVVVT điều ngay nhân viên khác ra thay thế	700.000	Không tiếp nhận hoạt động trên tất cả các tuyến xe buýt
1.2	Lái xe, nhân viên phục vụ không chấp hành nghiêm việc kiểm tra, kiểm soát của nhân viên điều hành đầu, cuối tuyến khi đang làm nhiệm vụ.						
1.3	Lái xe, nhân viên phục vụ không chấp hành nghiêm việc kiểm tra, kiểm soát của nhân viên bảo vệ tại các bến, bãi do Trung tâm quản lý khi đang làm nhiệm vụ.						

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
1.4	Lái xe, nhân viên phục vụ đưa tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác cho nhân viên điều hành đầu - cuối tuyến khi đang làm nhiệm vụ để trốn tránh việc xử lý vi phạm.	500.000	Tùy theo tính chất, mức độ của hành vi mà bị xử lý kỷ luật theo quy định của đơn vị hoặc chịu trách nhiệm hình sự	600.000	Tùy theo tính chất, mức độ của hành vi mà bị xử lý kỷ luật theo quy định của đơn vị hoặc chịu trách nhiệm hình sự	700.000	Tùy theo tính chất, mức độ của hành vi mà bị xử lý kỷ luật theo quy định của đơn vị hoặc chịu trách nhiệm hình sự
1.5	Lái xe, nhân viên phục vụ đưa tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác cho nhân viên nhân viên bảo vệ tại các bến, bãi khi đang làm nhiệm vụ để trốn tránh việc xử lý vi phạm.						
1.6	Lái xe, nhân viên phục vụ đưa tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác cho nhân viên kiểm tra khi đang làm nhiệm vụ để trốn tránh việc xử lý vi phạm.						
1.7	Lái xe, nhân viên phục vụ đưa tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào do Trung tâm quản lý khi đang làm nhiệm vụ để trốn tránh việc xử lý vi phạm.						
1.8	Bỏ hành khách khi hành khách đón đúng điểm dừng, nhà chờ	1.000.000		1.000.000	Đình chỉ hoạt động lái xe 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành. Không cho hoạt động trên các tuyến khác do đơn vị quản lý, ĐVVV điều ngay lái xe khác ra thay thế.	1.000.000	Đình chỉ hoạt động lái xe 30 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành, không hoạt động trên các tuyến khác do đơn vị quản lý. ĐVVV điều ngay lái xe khác ra thay thế

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
1.9	Bỏ nhân viên kiểm tra khi nhân viên kiểm tra đón đúng điểm dừng, nhà chờ.	2.000.000		3.000.000	Đình chỉ hoạt động lái xe 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành. Không cho hoạt động trên các tuyến khác do đơn vị quản lý, ĐVVVT điều ngay lái xe khác ra thay thế.	4.000.000	Đình chỉ hoạt động lái xe 30 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành, không hoạt động trên các tuyến khác do đơn vị quản lý. ĐVVVT điều ngay lái xe khác ra thay thế.
2	Lái xe, nhân viên phục vụ khi vi phạm bị lập biên bản không ký tên vào biên bản	200.000	Tiếp tục hoạt động theo thời gian quy định	400.000	Tiếp tục hoạt động theo thời gian quy định	800.000	Đình chỉ công tác để đi học lại lớp nghiệp vụ đối với lái xe, nhân viên phục vụ.
3	Chạy xe không đúng lộ trình hoặc không đúng làn đường quy định hoặc lưu thông ở làn đường bên ngoài để bỏ trạm không đón, trả khách. Trường hợp khách quan bị kẹt xe, ngập nước, hoặc theo sự điều tiết của lực lượng cảnh sát giao thông và các trường hợp khách quan khác xe buýt được phép chạy lộ trình khác và phải báo về điều hành của đơn vị vận tải để ghi nhận sự việc. Đánh giá hành trình xe chạy dựa trên toàn bộ các điểm trạm của hành trình. Xe phải đảm bảo hành trình 100% số điểm trạm trên từng tuyến. Nếu xe không đi qua đủ các điểm trạm của hành trình quy định thì xem như xe chạy sai hành trình theo việc giám qua thiết bị giám sát hành trình GPS.						

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
3.1	Chạy xe không đúng lộ trình quy định. Trường hợp khách quan bị kẹt xe, ngập nước, hoặc theo sự điều tiết của lực lượng cảnh sát giao thông và các trường hợp khách quan khác xe buýt được phép chạy lộ trình khác và phải báo về điều hành của đơn vị vận tải để ghi nhận sự việc. Điều hành của đơn vị vận tải phải có trách nhiệm báo cho điều hành của Trung tâm (đối với đầu bến có điều hành Trung tâm) để xử lý và báo về đường dây điện thoại nóng của Trung tâm để ghi nhận sự việc.	500.000		1.000.000	Đình chỉ hoạt động lái xe 05 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành, không cho hoạt động trên các tuyến khác do đơn vị quản lý. ĐVVТ điều ngay lái xe khác ra thay thế	2.000.000	Đình chỉ hoạt động lái xe 15 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành, không cho hoạt động trên các tuyến khác do đơn vị quản lý. ĐVVТ điều ngay lái xe khác ra thay thế
3.2	Chạy xe không đúng làn đường quy định. Lạm dụng quyền ưu tiên lưu thông ở làn đường bên ngoài để bỏ trạm không đón, trả khách.	400.000	.	600.000	Bên B đình chỉ ngay hoạt động của lái xe theo thông báo của Bên A, đồng thời đình chỉ hoạt động của lái xe 15 ngày theo thông báo bằng văn bản của Bên A	800.000	Bên B đình chỉ ngay hoạt động của lái xe theo thông báo của Bên A, đồng thời đình chỉ hoạt động của lái xe 30 ngày theo thông báo bằng văn bản của Bên A.
4	Hoạt động không đúng biểu đồ chạy xe theo quyết định biểu đồ chạy xe của Trung tâm. Trường hợp về bến trễ do bị kẹt xe, ngập nước, hoặc theo sự điều tiết của lực lượng cảnh sát giao thông và các trường hợp khách quan khác phải báo về điều hành của đơn vị vận tải để ghi nhận sự việc.	100.000		200.000		300.000	

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
5	Không tuân thủ quy định “Hành khách lên cửa trước, xuống cửa sau” theo quy định. Trường hợp hành khách là người cao tuổi, trẻ em, phụ nữ mang thai, phụ nữ có con nhỏ thương binh và người khuyết tật thì lái xe, nhân viên phục vụ phải sắp xếp hành khách lên xuống xe thuận tiện và an toàn.	200.000	Tiếp tục hoạt động theo thời gian quy định	200.000	Tiếp tục hoạt động theo thời gian quy định	300.000	Đình chỉ công tác để đi học lại lớp nghiệp vụ đối với lái xe, nhân viên phục vụ.
6	Lái xe, nhân viên phục vụ không hướng dẫn hành khách ngồi đúng vị trí quy định trong xe và không hỗ trợ, giúp đỡ khách đi xe là người cao tuổi, phụ nữ mang thai, phụ nữ có con nhỏ, trẻ em không tự lên xuống xe được, người khuyết tật vận động hoặc khuyết tật thị giác, không hướng dẫn hành khách khi sang khách cho xe khác để hành khách không phải mua lại vé vì lý do xe bị sự cố tạm thời không thể tiếp tục hoạt động; sang khách trên đường đang hoạt động cho xe khác.						
6.1	Lái xe, nhân viên phục vụ không hướng dẫn hành khách ngồi đúng vị trí quy định trong xe, không cho hành khách thuộc đối tượng ưu tiên ngồi ghế ưu tiên hoặc không cho hành khách ngồi ghế khi xe còn trống ghế hoặc ghế ưu tiên khi không có đối tượng được ưu tiên trên xe.	200.000		500.000	ĐVVT đình chỉ hoạt động cá nhân vi phạm 05 ngày theo thông báo bằng văn bản của Bên A.	1.000.000	ĐVVT đình chỉ hoạt động cá nhân vi phạm 15 ngày theo thông báo bằng văn bản của Bên A và phải đi học lại lớp nghiệp vụ xe buýt.

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
6.2	Lái xe, nhân viên phục vụ không hỗ trợ, giúp đỡ khách đi xe là người cao tuổi, phụ nữ mang thai, phụ nữ có con nhỏ, trẻ em không tự lên xuống xe được, người khuyết tật vận động hoặc khuyết tật thị giác.						
6.3	Lái xe, nhân viên phục vụ không hướng dẫn hành khách khi sang khách cho xe khác để hành khách không phải mua lại vé vì lý do xe bị sự cố tạm thời không thể tiếp tục hoạt động.	1.000.000	ĐVVТ đình chỉ hoạt động cá nhân vi phạm 05 ngày theo thông báo bằng văn bản của Bên A.	2.000.000	ĐVVТ đình chỉ hoạt động cá nhân vi phạm 15 ngày theo thông báo bằng văn bản của Bên A và phải đi học lại lớp nghiệp vụ xe buýt.	4.000.000	Không tiếp nhận hoạt động trên tất cả các tuyến xe buýt
6.4	Lái xe, nhân viên phục vụ sang khách trên đường đang hoạt động cho xe khác.						
7	Xe hoạt động không mở máy lạnh và có mở nhưng không có tác dụng (nếu tuyến được quy định hoạt động loại xe có máy lạnh). Tiêu chuẩn đánh giá việc mở máy lạnh hay không mở máy lạnh căn cứ vào tổng số điểm trên dữ liệu giám sát hành trình (GPS) truyền về, nếu số điểm được ghi nhận “không có máy lạnh” $\geq 10\%$ thì chuyến đó xem là không mở máy lạnh. Trường hợp, xe hư máy lạnh đột xuất không ghi vào lệnh vận chuyển ngay chuyến đó và không bố trí xe có máy lạnh ra thay thế hoạt động chuyến tiếp theo (xe dự phòng).						

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
7.1	Xe hoạt động không mở máy lạnh (nếu tuyến được quy định hoạt động loại xe có máy lạnh). Tiêu chuẩn đánh giá việc mở máy lạnh hay không mở máy lạnh căn cứ vào tổng số điểm trên dữ liệu giám sát hành trình (GPS) truyền về, nếu số điểm được ghi nhận “không có máy lạnh” $\geq 10\%$ thì chuyển đó xem là không mở máy lạnh. Trường hợp, xe hư máy lạnh đột xuất thì phải ghi vào lệnh vận chuyển ngay chuyển đó và bố trí xe có máy lạnh ra thay thế hoạt động chuyển tiếp theo (xe dự phòng).	300.000		400.000	Đình chỉ phương tiện để khắc phục (nếu do lỗi phương tiện). Đình chỉ hoạt động lái xe 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành, không cho hoạt động trên các tuyến khác do đơn vị quản lý. ĐVVV điều ngay lái xe khác ra thay thế (nếu là lỗi lái xe).	500.000	Đình chỉ phương tiện để khắc phục (nếu do lỗi phương tiện). Đình chỉ hoạt động lái xe 30 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành, không cho hoạt động trên các tuyến khác do đơn vị quản lý. Đi học lại lớp nghiệp vụ xe buýt. ĐVVV điều ngay lái xe khác ra thay thế (nếu là lỗi lái xe).
7.2	Xe hoạt động có mở máy lạnh nhưng không có tác dụng.						
8	Xe hoạt động không mở đèn Led (nếu tuyến được quy định loại xe hoạt động có đèn Led). Trường hợp, xe hư đèn Led đột xuất không ghi vào lệnh vận chuyển ngay chuyển đó và không bố trí xe có đèn Led ra thay thế hoạt động chuyển tiếp theo (xe dự phòng). Trường hợp xe vi phạm lần đầu, nhắc nhở đơn vị vận tải để có thời gian sửa chữa, khắc phục (thời gian 01 ngày), không lập biên bản xử phạt chuyển bị hư đèn Led. Tuy nhiên đơn vị vận tải phải thể hiện mã số tuyến phía trước xe để hành khách nhận biết, đồng thời đơn vị vận tải phải báo về đường dây nóng	500.000	Tiếp tục hoạt động theo thời gian quy định	600.000	Tiếp tục hoạt động theo thời gian quy định	700.000	Đình chỉ hoạt động xe của Bên B vi phạm lần thứ 03 (cùng một hành vi trong thời gian thực hiện Hợp đồng này) thời gian là 03 (ba) ngày (căn cứ vào biển số xe) và thời gian đình chỉ hoạt động tăng thêm 02 ngày đối với các vi phạm từ lần thứ 4 trở đi. Đình chỉ công tác để đi học lại lớp nghiệp vụ đối với lái xe, nhân viên phục vụ hoặc không được tác nghiệp trên các tuyến xe buýt trong địa

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
	ghi nhận lại sự việc và ghi nhận vào Lệnh vận chuyển. Nếu sau thời gian trên đơn vị vẫn chưa khắc phục Trung tâm sẽ tiến hành lập biên bản theo quy định.						bàn thành phố Hồ Chí Minh khi vi phạm lần thứ 04 (vi phạm cùng một hành vi trong thời gian thực hiện hợp đồng này)
9	Trang bị hoặc sử dụng còi hơi, còi không đúng thiết kế, còi có âm ngân dài không đúng theo quy định và tiêu chuẩn; Hoặc bấm còi liên tục làm ảnh hưởng đến người và phương tiện khác đang tham gia giao thông	300.000	Buộc tháo dỡ khi xe về đến đầu bến	400.000	Buộc tháo dỡ khi xe về đến đầu bến	500.000	Buộc tháo dỡ khi xe về đến đầu bến. Đình chỉ hoạt động lái xe 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành và yêu cầu đi học lại lớp nghiệp vụ xe buýt.
10	Chở hàng hoá công kênh, chiếm diện tích lớn, các chất cháy nổ, tanh hôi, lây nhiễm, gia súc, gia cầm, xe đạp, xe mô tô hai bánh, xe thô sơ và các loại hàng hóa cấm khác theo quy định. Được phép chở xe lăn của người khuyết tật theo quy định.						
10.1	Chở hàng hoá;	500.000	Yêu cầu cá nhân vi phạm sắp xếp lại hàng hóa cho gọn gàng	600.000	Yêu cầu cá nhân vi phạm sắp xếp lại hàng hóa cho gọn gàng	700.000	Yêu cầu cá nhân vi phạm sắp xếp lại hàng hóa, hành lý cho gọn gàng. Đình chỉ hoạt động cá nhân vi phạm 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.
10.2	Chở các chất cháy nổ.	500.000	Yêu cầu cá nhân vi phạm di chuyển hàng	600.000	Yêu cầu cá nhân vi phạm di chuyển hàng hoá ra ngay	700.000	Yêu cầu cá nhân vi phạm di chuyển hàng hoá ra ngay

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
			hoá ra ngay khỏi xe và tự bảo quản.		khỏi xe và tự bảo quản. ĐVVT đình chỉ hoạt động cá nhân vi phạm 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.		khỏi xe và tự bảo quản. ĐVVT đình chỉ hoạt động cá nhân vi phạm 30 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.
10.3	Chở các chất tanh hôi.	500.000	Yêu cầu cá nhân vi phạm di chuyển hàng hoá ra ngay khỏi xe và tự bảo quản.	600.000	Yêu cầu cá nhân vi phạm di chuyển hàng hoá ra ngay khỏi xe và tự bảo quản.	700.000	Yêu cầu cá nhân vi phạm di chuyển hàng hoá ra ngay khỏi xe và tự bảo quản. ĐVVT đình chỉ hoạt động cá nhân vi phạm 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.
10.4	Chở các chất lây nhiễm.	500.000	Yêu cầu cá nhân vi phạm di chuyển hàng hoá ra ngay khỏi xe và tự bảo quản.	600.000	Yêu cầu cá nhân vi phạm di chuyển hàng hoá ra ngay khỏi xe và tự bảo quản. ĐVVT đình chỉ hoạt động cá nhân vi phạm 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.	700.000	Yêu cầu cá nhân vi phạm di chuyển hàng hoá ra ngay khỏi xe và tự bảo quản. ĐVVT đình chỉ hoạt động cá nhân vi phạm 30 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành. Buộc đi học lại lớp nghiệp vụ xe buýt.
10.5	Chở gia súc.	500.000	Yêu cầu cá nhân vi phạm di chuyển hàng hoá ra ngay khỏi xe và tự bảo quản.	600.000	Yêu cầu cá nhân vi phạm di chuyển hàng hoá ra ngay khỏi xe và tự bảo quản. ĐVVT đình chỉ hoạt động cá nhân vi phạm 10 ngày kể từ	700.000	Yêu cầu cá nhân vi phạm di chuyển hàng hoá ra ngay khỏi xe và tự bảo quản. ĐVVT đình chỉ hoạt động cá nhân vi phạm 30 ngày

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
					ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.		kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành. Buộc đi học lại lớp nghiệp vụ xe buýt.
10.6	Chở gia cầm.	500.000	Yêu cầu cá nhân vi phạm di chuyển hàng hoá ra ngay khỏi xe và tự bảo quản.	600.000	Yêu cầu cá nhân vi phạm di chuyển hàng hoá ra ngay khỏi xe và tự bảo quản. ĐVVT đình chỉ hoạt động cá nhân vi phạm 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.	700.000	Yêu cầu cá nhân vi phạm di chuyển hàng hoá ra ngay khỏi xe và tự bảo quản. ĐVVT đình chỉ hoạt động cá nhân vi phạm 30 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành. Buộc đi học lại lớp nghiệp vụ xe buýt.
10.7	Chở xe đạp (trừ xe lăn của người khuyết tật theo quy định).	500.000	Yêu cầu cá nhân vi phạm di chuyển hàng hoá ra ngay khỏi xe và tự bảo quản.	600.000	Yêu cầu cá nhân vi phạm sắp xếp lại cho gọn gàng	700.000	Yêu cầu cá nhân vi phạm di chuyển xe đạp ra ngay khỏi xe. Đình chỉ hoạt động cá nhân 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.
10.8	Chở xe mô tô hai bánh (trừ xe lăn của người khuyết tật theo quy định).	500.000	Yêu cầu cá nhân vi phạm di chuyển hàng hoá ra ngay khỏi xe và tự bảo quản.	600.000	Yêu cầu cá nhân vi phạm sắp xếp lại cho gọn gàng	700.000	Yêu cầu cá nhân vi phạm di chuyển xe đạp ra ngay khỏi xe. Đình chỉ hoạt động cá nhân 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.
10.9	Chở xe thô sơ (trừ xe lăn của người khuyết tật theo quy định).	500.000	Yêu cầu cá nhân vi phạm di chuyển hàng hoá ra ngay khỏi xe và	600.000	Yêu cầu cá nhân vi phạm sắp xếp lại cho gọn gàng	700.000	Yêu cầu cá nhân vi phạm di chuyển xe đạp ra ngay khỏi xe. Đình chỉ hoạt động cá

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
			tự bảo quản.				nhân 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.
10.10	Chở các loại hàng hoá cấm khác theo quy định.	500.000	Yêu cầu cá nhân vi phạm di chuyển hàng hoá ra ngay khỏi xe và tự bảo quản.	600.000	Yêu cầu cá nhân vi phạm di chuyển hàng hoá ra ngay khỏi xe và tự bảo quản. ĐVVТ đình chỉ hoạt động cá nhân vi phạm 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.	700.000	Yêu cầu cá nhân vi phạm di chuyển hàng hoá ra ngay khỏi xe và tự bảo quản. ĐVVТ đình chỉ hoạt động cá nhân vi phạm 30 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành. Buộc đi học lại lớp nghiệp vụ xe buýt.
11	Không đảm bảo vệ sinh xe sạch sẽ hoặc đổ rác đúng nơi quy định hoặc không sắp xếp dụng cụ, đồ dùng cá nhân gọn gàng để không làm mất mỹ quan chung trên xe buýt.	200.000	Tiếp tục hoạt động theo thời gian quy định	300.000	Tiếp tục hoạt động theo thời gian quy định	400.000	Đình chỉ công tác để đi học lại lớp nghiệp vụ đối với lái xe, nhân viên phục vụ.
12	Bỏ chuyến	200.000 * số chuyến và tăng cường phương tiện để đảm bảo số chuyến					
13	Phân biệt đối xử với hành khách sử dụng các loại vé bán trước, thẻ học sinh, sinh viên, thẻ ưu tiên, hành khách là đối tượng được miễn vé theo quy định hoặc từ chối không nhận tiền có mệnh giá thấp (200 đồng, 500 đồng, ...) từ hành khách.	500.000	ĐVVТ đình chỉ hoạt động cá nhân vi phạm 05 ngày theo thông báo bằng văn bản của Bên A.	1.000.000	ĐVVТ đình chỉ hoạt động cá nhân vi phạm 15 ngày theo thông báo bằng văn bản của Bên A.	2.000.000	ĐVVТ đình chỉ hoạt động cá nhân vi phạm 30 ngày theo thông báo bằng văn bản của Bên A và phải đi học lại lớp nghiệp vụ xe buýt.

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
14	Lái xe, nhân viên phục vụ hút thuốc lá, ăn trên xe khi đang làm nhiệm vụ trên xe buýt, lái xe sử dụng điện thoại khi đang làm nhiệm vụ trên xe buýt. Nghe, xem băng đĩa có nội dung không phù hợp với quy định của nhà nước và cơ quan có thẩm quyền quy định. Mờ âm thanh lớn làm ảnh hưởng đến việc thông báo trạm của nhân viên phục vụ và hành khách trên xe buýt.						
14.1	Lái xe, nhân viên phục vụ hút thuốc lá trên xe buýt (bao gồm: thuốc lá điếu, thuốc lá điện tử...).	500.000		1.000.000	ĐVVT đình chỉ hoạt động cá nhân vi phạm 05 ngày theo thông báo bằng văn bản của Bên A và phải đi học lại lớp nghiệp vụ xe buýt.	2.000.000	ĐVVT đình chỉ hoạt động cá nhân vi phạm 10 ngày theo thông báo bằng văn bản của Bên A và phải đi học lại lớp nghiệp vụ xe buýt.
14.2	Lái xe, nhân viên phục vụ hút thuốc lá không đúng nơi quy định tại các bến xe buýt.	200.000		200.000		200.000	
14.3	Lái xe, nhân viên phục vụ ăn trên xe khi đang làm nhiệm vụ trên xe buýt.						
14.4	Lái xe dùng tay cầm và sử dụng điện thoại hoặc thiết bị điện tử khác khi đang thực hiện nhiệm vụ trên xe buýt.	400.000	Đình chỉ 15 ngày kể từ ngày có văn bản của Bên A	800.000	Đình chỉ 03 tháng kể từ ngày có văn bản của Bên A.	1.600.000	Đình chỉ vĩnh viễn
14.5	Lái xe, nhân viên phục vụ nghe, xem băng đĩa có nội dung không phù hợp với quy định của nhà nước và cơ quan có	200.000		400.000		800.000	

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
	thâm quyền quy định.						
14.6	Trên xe mở âm thanh lớn hoặc lái xe, nhân viên phục vụ trao đổi lớn tiếng làm ảnh hưởng đến việc thông báo trạm hoặc ảnh hưởng đến hành khách trên xe.	200.000					
15	Lái xe, nhân viên phục vụ tham gia cờ bạc, tiêu tiện, xả rác bừa bãi, tranh cãi lớn tiếng, đánh nhau làm mất an ninh trật tự khi đang làm nhiệm vụ trên tuyến và tại các đầu - cuối tuyến, bến, bãi, các Trạm Điều hành xe buýt.						
15.1	Lái xe, nhân viên phục vụ tham gia cờ bạc khi đang làm nhiệm vụ trên tuyến và tại các đầu - cuối tuyến, bến, bãi, xe buýt.	1.000.000	Yêu cầu giải tán, chấm dứt vi phạm. Đình chỉ cá nhân vi phạm 30 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.	2.000.000	Đình chỉ cá nhân vi phạm 730 ngày (24 tháng) kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.	3.000.000	Đình chỉ cá nhân vi phạm vĩnh viễn.
15.2	Lái xe, nhân viên phục vụ tiêu, tiện bừa bãi khi đang làm nhiệm vụ trên tuyến hoặc tại khu vực các điểm đầu - cuối tuyến, bến, bãi, xe buýt.	400.000	Yêu cầu dội nước, vệ sinh sạch sẽ	500.000	Yêu cầu dội nước, vệ sinh sạch sẽ. ĐVVT đình chỉ cá nhân vi phạm 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.	600.000	Yêu cầu dội nước sạch sẽ. ĐVVT đình chỉ cá nhân vi phạm 30 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành. Đề nghị đi học lại lớp nghiệp vụ xe buýt.
15.3	Lái xe, nhân viên phục vụ xả rác bừa bãi khi đang làm nhiệm vụ trên tuyến và tại	400.000	Yêu cầu quét dọn sạch	500.000	Yêu cầu quét dọn sạch sẽ. ĐVVT đình chỉ cá nhân vi	600.000	Yêu cầu quét dọn sạch sẽ. ĐVVT đình chỉ cá nhân vi

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
	các đầu - cuối tuyến, bến, bãi xe buýt.		sẽ		phạm 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.		phạm 30 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành. Đề nghị đi học lại lớp nghiệp vụ xe buýt.
15.4	Lái xe, nhân viên phục vụ tranh cãi lớn tiếng làm mất an ninh trật tự khi đang làm nhiệm vụ trên tuyến và tại các đầu - cuối tuyến, bến, bãi xe buýt.	400.000	Yêu cầu giải tán, chấm dứt vi phạm	500.000	Yêu cầu giải tán, chấm dứt vi phạm. Đình chỉ cá nhân vi phạm 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.	600.000	Đình chỉ cá nhân vi phạm 30 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành. Đề nghị đi học lại lớp nghiệp vụ xe buýt.
15.5	Lái xe, nhân viên phục vụ đánh nhau làm mất an ninh trật tự khi đang làm nhiệm vụ trên tuyến và tại các đầu - cuối tuyến, bến, bãi xe buýt.	400.000	Yêu cầu giải tán, chấm dứt vi phạm	500.000	Yêu cầu giải tán, chấm dứt vi phạm. Đình chỉ cá nhân vi phạm 30 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.	600.000	Đình chỉ cá nhân vi phạm 60 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành. Bồi thường thiệt hại (nếu có). Đề nghị đi học lại lớp nghiệp vụ xe buýt.
16	Lái xe, nhân viên phục vụ chống đối hoặc hành hung: hành khách, người đi đường, nhân viên kiểm tra, nhân viên điều hành đầu - cuối tuyến, nhân viên bảo vệ, giám sát trật tự tại các bến, bãi xe buýt và các lực lượng kiểm tra theo kế hoạch.						

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
16.1	Lái xe, nhân viên phục vụ chống đối: nhân viên kiểm tra, nhân viên điều hành đầu - cuối tuyến, nhân viên bảo vệ, giám sát trật tự tại các bến, bãi xe buýt và các lực lượng kiểm tra theo kế hoạch.	3.000.000	Đình chỉ 24 tháng kể từ ngày có văn bản của Bên A	4.000.000	Đình chỉ vĩnh viễn		
16.2	Lái xe, nhân viên phục vụ hành hung: hành khách, người đi đường, nhân viên kiểm tra, nhân viên điều hành đầu - cuối tuyến, nhân viên bảo vệ, giám sát trật tự tại các bến, bãi xe buýt và các lực lượng kiểm tra theo kế hoạch.						
17	Lái xe, nhân viên phục vụ có thái độ hoặc lời nói thiếu văn minh lịch sự khi đang làm nhiệm vụ trên xe; Lái xe, nhân viên phục vụ có thái độ hoặc lời nói thiếu văn minh lịch sự với 1 trong các cá nhân sau: hành khách, người đi đường, nhân viên kiểm tra, nhân viên điều hành đầu - cuối tuyến, nhân viên bảo vệ, giám sát trật tự tại các bến, bãi, các Trạm Điều hành xe buýt, cán bộ, công chức, viên chức - lao động của ngành đi kiểm tra hoạt động xe buýt theo kế hoạch.	400.000		500.000	Đình chỉ cá nhân vi phạm 05 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.	600.000	Đình chỉ hoạt động cá nhân vi phạm 15 ngày ngay sau khi vi phạm. Đi học lại lớp nghiệp vụ xe buýt.
18	Lái xe, nhân viên phục vụ sử dụng các biện pháp kỹ thuật, trang thiết bị ngoại vi để can thiệp vào quá trình hoạt động của thiết bị giám sát hành trình hoặc để phá sóng, làm nhiễu tín hiệu GPS,	1.000.000	Khôi phục hiện trạng ban đầu	2.000.000	Đình chỉ cá nhân vi phạm 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.	3.000.000	Đình chỉ cá nhân vi phạm 30 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành. Bồi thường thiệt hại (nếu có). Đề nghị đi học lại lớp nghiệp vụ xe

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
	GSM.						buýt.
19	Không có dữ liệu GPS hoặc dữ liệu GPS bị lỗi tại thời điểm vi phạm nhưng dữ liệu trước hoặc sau thời điểm vi phạm vẫn bình thường	2.000.000		3.000.000	Bên B phải đình chỉ hoạt động của phương tiện 05 ngày theo thông báo bằng văn bản của Bên A	4.000.000	Bên B phải đình chỉ hoạt động của phương tiện 10 ngày theo thông báo bằng văn bản của Bên A
20	Không có dữ liệu Camera hoặc dữ liệu Camera bị lỗi tại thời điểm vi phạm nhưng dữ liệu trước hoặc sau thời điểm vi phạm vẫn bình thường.	500.000		1.000.000	Bên B phải đình chỉ hoạt động của phương tiện 05 ngày theo thông báo bằng văn bản của Bên A	2.000.000	Bên B phải đình chỉ hoạt động của phương tiện 10 ngày theo thông báo bằng văn bản của Bên A
21	Chấp hành nghiêm quy định về lắp đặt, truyền dữ liệu hình ảnh camera về máy chủ Trung tâm, truyền hình ảnh, âm thanh và lưu trữ dữ liệu hình ảnh camera để truy xuất qua API (công ứng dụng giao tiếp) theo quy định trong thời gian tối thiểu 15 ngày.	500.000		1.000.000		2.000.000	
22	Không hướng dẫn hoặc không chấp nhận cho hành khách thanh toán mua vé qua ứng dụng, app thanh toán liên kết tự động có trang bị trên máy bán vé tự động	200.000		500.000		1.000.000	Đình chỉ hoạt động cá nhân vi phạm 15 ngày ngay sau khi vi phạm. Đề nghị học lại lớp nghiệp vụ xe buýt.
VI	QUY ĐỊNH BÁO CÁO THỐNG KÊ VÀ BÁN VÉ						
1	Báo cáo số chuyến và sản lượng không đúng thực tế hoạt động.						

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
1.1	Báo cáo số chuyến không đúng thực tế hoạt động.	1.500.000		1.500.000		1.500.000	Đình chỉ công tác để đi tập huấn lại lớp nghiệp vụ đối với lái xe, nhân viên phục vụ hoặc không được tác nghiệp trên các tuyến xe buýt trong địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
1.2	Báo cáo sản lượng không đúng thực tế hoạt động.	2.000.000 * số vé	Đình chỉ công tác để đi học lại lớp nghiệp vụ đối với lái xe, nhân viên phục vụ.	3.000.000 * số vé	Đình chỉ công tác của lái xe, nhân viên phục vụ và phải hoàn thành lớp kiểm tra quy định của ngành do Trung tâm tổ chức	4.000.000 * số vé	Không tiếp nhận hoạt động trên tất cả các tuyến xe buýt
2	Tẩy xoá nội dung ghi trong lệnh vận chuyển, việc sửa chữa nội dung ghi sai phải thực hiện theo đúng quy định. Nhân viên điều hành Trung tâm hoặc Đơn vị vận tải được ủy quyền xác nhận chuyến không đúng quy định như: Thiếu chữ ký; ký không đúng thời gian thực tế (trước hoặc sau thời gian hoạt động của xe).						
2.1	Tẩy xoá nội dung ghi trong lệnh vận chuyển, việc sửa chữa nội dung ghi sai phải thực hiện theo đúng quy định.	2.000.000		3.000.000		4.000.000	Đình chỉ công tác để đi tập huấn lại lớp nghiệp vụ đối với lái xe, nhân viên phục vụ hoặc không được tác nghiệp trên các tuyến xe buýt trong địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh khi vi phạm lần thứ 04 (vi phạm

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
							cùng một hành vi trong thời gian thực hiện hợp đồng này).
2.2	Nhân viên điều hành Trung tâm hoặc Đơn vị vận tải được ủy quyền xác nhận chuyến không đúng quy định như: ký không đúng thời gian thực tế (trước hoặc sau thời gian hoạt động của xe).	2.000.000		3.000.000		4.000.000	
2.3	Thiếu chữ ký của nhân viên điều hành trên lệnh vận chuyển do lái xe, nhân viên phục vụ không trình ký.	300.000 * số chuyến thiếu chữ ký		300.000 * số chuyến thiếu chữ ký		300.000 * số chuyến thiếu chữ ký	Yêu cầu học lại lớp nghiệp vụ xe buýt trước khi bố trí hoạt động
2.4	Thiếu chữ ký do nhân viên Điều hành đơn vị vận tải được ủy quyền không ký hoặc không có mặt tại vị trí đầu cuối tuyến xe buýt.	500.000 * số chuyến thiếu chữ ký		1.000.000 * số chuyến thiếu chữ ký	Đình chỉ cá nhân vi phạm 10 kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành	2.000.000 * số chuyến thiếu chữ ký	Đình chỉ cá nhân vi phạm 30 kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành
2.5	Thiếu chữ ký do nhân viên Điều hành Trung tâm không ký hoặc không có mặt tại vị trí đầu cuối tuyến xe buýt	Nhân viên Điều hành Trung tâm có trách nhiệm bồi hoàn số tiền tương ứng với mức hỗ trợ các chuyến đã hoạt động nhưng không có chữ ký xác nhận trên LVC. Đồng thời, xử lý kỷ luật theo quy định của Luật viên chức, nội quy, quy định của Trung tâm					
2.6	Nhân viên điều hành điều hành Đơn vị vận tải, lái xe, nhân viên phục vụ có hành vi ký không, giả mạo chữ ký, ký hợp thức hóa các chuyến xe trên Lệnh vận chuyển.	2.000.000 đồng * Số chuyến	Đình chỉ vĩnh viễn				
3	Xe hết giờ hoạt động hoặc xe đang trên	400.000		500.000		600.000	Đình chỉ công tác để đi học

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
	đường huy động (đi lấy tài) rước khách của xe khác đang hoạt động.						lại lớp nghiệp vụ đối với lái xe, nhân viên phục vụ.
4	Bán vé không giao vé cho hành khách; Hoặc dùng vé đã sử dụng bán cho hành khách (quay vòng vé); Hoặc thu tiền mà không giao vé cho hành khách hoặc có các hành vi gian lận khác khi bán vé như: Hoặc chưa thu tiền và chưa xé vé cho hành khách; Hoặc bán vé không đúng số seri ghi trong lệnh vận chuyển (Trừ các trường hợp đơn vị vận tải chứng minh được là do yếu tố khách quan).	1.000.000 * số vé	Đình chỉ cá nhân vi phạm 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.	1.000.000 * số vé	Đình chỉ hoạt động cá nhân vi phạm 30 ngày ngay sau khi vi phạm. Đi học lại lớp nghiệp vụ xe buýt	1.000.000 * số vé	Không tiếp nhận hoạt động trên tất cả các tuyến xe buýt
5	Bán vé, thu tiền hành khách là những đối tượng được miễn vé theo quy định.	400.000 * số vé		800.000 * số vé	Đình chỉ công tác để đi tập huấn lại lớp nghiệp vụ đối với lái xe, nhân viên phục vụ.	1.600.000 * số vé	Chấm dứt hoạt động cá nhân vi phạm. Không tiếp nhận hoạt động trên toàn hệ thống xe buýt Thành phố.
6	Thu tiền vé hoặc tiền cước hành lý cao hơn giá quy định.	400.000 * số vé		500.000 * số vé	Đình chỉ cá nhân vi phạm 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.	600.000 * số vé	Đình chỉ cá nhân vi phạm 30 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.
7	Sử dụng vé tập hoặc vé lượt học sinh - sinh viên để bán thay cho vé lượt hành khách thường.	2.000.000 * số vé		4.000.000 * số vé	Đình chỉ công tác để đi tập huấn lại lớp nghiệp vụ đối với lái xe, nhân viên phục vụ.	8.000.000 * số vé	Đình chỉ công tác để đi tập huấn lại lớp nghiệp vụ đối với lái xe, nhân viên phục vụ hoặc không được tác nghiệp trên các tuyến xe buýt trong địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

STT	Nội dung vi phạm	Vi phạm lần thứ 1		Vi phạm lần thứ 2		Vi phạm lần thứ 3	
		Hình thức phạt		Hình thức phạt		Hình thức phạt	
		Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung	Mức phạt	Phạt bổ sung
8	Xe hoạt động không có vé lượt, vé học sinh - sinh viên để bán cho hành khách tại thời điểm vi phạm nhưng trước hoặc sau thời điểm vi phạm vẫn có. Đối với xe có trang bị máy bán vé chỉ bị xử lý trong trường hợp máy bán vé không sử dụng được và không có vé lượt, vé học sinh, sinh viên để bán cho hành khách trực tiếp trên xe.	2.000.000					
9	Không thực hiện đúng theo quy định hiện hành về tổ chức quản lý, sử dụng thùng bán vé tự động trên các xe buýt hoạt động trên địa bàn Thành phố, áp dụng đối với các tuyến xe buýt có trang bị thùng bán vé tự động	2.000.000	ĐVVT khắc phục vi phạm sau 10 ngày kể từ ngày có hiệu lực trong văn bản do Bên A ban hành.				